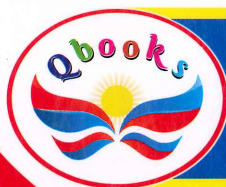


Nguyễn Văn Quyền - Nguyễn Văn Quân - Uyển Uyên

BÀI TẬP HẰNG NGÀY

TOÁN



Theo chương trình
SÁCH GIÁO KHOA mới nhất



Có VIDEO bài giảng chi tiết

4

TẬP 1



Qbooks



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời nói đầu

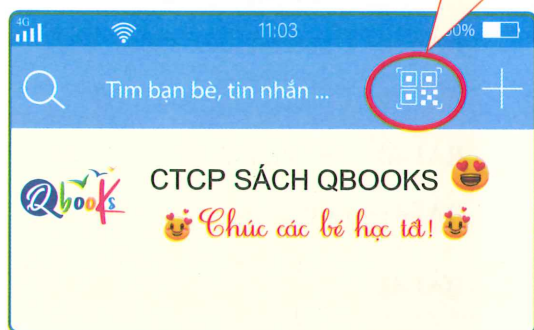
“**Bài tập hằng ngày Toán 4 - Tập 1 (CD)**” là cuốn sách được biên soạn theo **chương trình sách giáo khoa mới**. Cuốn sách gồm bài tập củng cố và ôn luyện bám sát với nội dung chương trình của học kì 1 **lớp 4**. Phần đáp án đã được lược bỏ và thay vào đó là các mã **QR**, dễ dàng và thuận tiện trong việc tra cứu đáp án.

Hướng dẫn quét mã QR để truy cập
xem đáp án tham khảo:

Vào ứng dụng
ZALO



Bấm vào đây



Mã **QR** nằm ở góc bên
phải mỗi bài.

Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi những sơ suất, các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh để cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

Xin cảm ơn!

Các tác giả

Mục lục

1 Số tự nhiên Trang

BÀI 1	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000	3
BÀI 2	Ôn tập về hình học và đo lường	5
BÀI 3	Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất	7
BÀI 4	Các số trong phạm vi 1 000 000	9
BÀI 5	Các số trong phạm vi 1 000 000 (tiếp theo)	11
BÀI 6	Các số có nhiều chữ số	13
BÀI 7	Các số có nhiều chữ số (tiếp theo)	15
BÀI 8	Luyện tập	17
BÀI 9	So sánh các số có nhiều chữ số	19
BÀI 10	Làm tròn số đến hàng trăm nghìn	21
BÀI 11	Luyện tập	23
BÀI 12	Số tự nhiên. Dãy số tự nhiên	26
BÀI 13	Viết số tự nhiên trong hệ thập phân	28
BÀI 14	Yến, tạ, tấn	30
BÀI 15	Giây	32
BÀI 16	Thế kỉ	34
BÀI 17	Bài toán liên quan đến rút về đơn vị	36
BÀI 18	Luyện tập	39
BÀI 19	Góc nhọn, góc tù, góc bẹt	41
BÀI 20	Đơn vị đo góc. Độ ($^{\circ}$)	43
BÀI 21	Hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng vuông góc	45
BÀI 22	Hai đường thẳng song song. Vẽ hai đường thẳng song song	47
BÀI 23	Luyện tập chung	49
BÀI 24	Em ôn lại những gì đã học	51
BÀI 25	Em vui học toán	54

2 Các phép tính với số tự nhiên Trang

BÀI 26	Phép cộng, phép trừ	57
BÀI 27	Các tính chất của phép cộng	60
BÀI 28	Tìm số trung bình cộng	62
BÀI 29	Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó	65
BÀI 30	Luyện tập chung	68
BÀI 31	Nhân với số có một chữ số	71
BÀI 32	Nhân với số có hai chữ số	74
BÀI 33	Luyện tập	77
BÀI 34	Các tính chất của phép nhân	80
BÀI 35	Luyện tập	82
BÀI 36	Nhân với 10, 100, 1 000, ...	85
BÀI 37	Luyện tập chung	87
BÀI 38	Chia cho số có một chữ số	89
BÀI 39	Chia cho 10, 100, 1 000, ...	92
BÀI 40	Chia cho số có hai chữ số	94
BÀI 41	Luyện tập	96
BÀI 42	Chia cho số có hai chữ số (tiếp theo)	98
BÀI 43	Luyện tập	100
BÀI 44	Thương có chữ số 0	103
BÀI 45	Luyện tập	106
BÀI 46	Luyện tập chung	108
BÀI 47	Ước lượng tính	110
BÀI 48	Luyện tập	112
BÀI 49	Biểu thức có chứa chữ	114
BÀI 50	Em ôn lại những gì đã học	116
BÀI 51	Em vui học toán	119
BÀI 52	Ôn tập chung	122



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 9 chục nghìn 1 nghìn 2 trăm 4 đơn vị được viết là:

- A. 91 024 B. 91 204 C. 91 402 D. 92 104

Câu 2 Làm tròn số 89 520 đến hàng nghìn ta được:

- A. 89 000 B. 89 500 C. 90 000 D. 90 500

Câu 3 Giá trị của biểu thức $(25\ 689 + 13\ 605) \times 2$ là:

- A. 78 588 B. 68 588 C. 68 488 D. 78 488

Câu 4 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $18\ 465 + 5\ 184$ B. $35\ 184 - 6\ 092$ C. $15\ 064 \times 2$ D. $90\ 420 : 3$

Câu 5 Mỗi ngày mẹ mua cho An 2 hộp sữa, mỗi hộp giá 5 000 đồng. Vậy trong một tuần số tiền mẹ dành để mua sữa cho An là:

- A. 60 000 đồng B. 70 000 đồng C. 80 000 đồng D. 50 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính:

$$2\ 861 + 40\ 909$$

$$74\ 235 - 16\ 081$$

$$21\ 406 \times 3$$

$$24\ 812 : 4$$

Bài 2 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$$(91\,827 - 22\,674) : 3$$

[illegible]

$$21\,869 + 15\,106 \times 4$$

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are three vertical lines on the left side, creating four columns. There are two horizontal lines at the top and bottom, creating three rows. The central area is a large rectangle defined by these lines.

Bài 3 Dưới đây là bảng số liệu dân số 4 huyện, thị xã của tỉnh Yên Bái năm 2021:

Tên Huyện/Thị xã	Trần Yên	Mù Căng Chải	Nghĩa Lộ	Trạm Tấu
Số dân (người)	84 675	63 961	31 736	33 926

a. Trong 4 huyện trên, huyện có đông dân nhất là huyện

[illegible][illegible]

[illegible][illegible]

Bài 4 Trong kho muối của gia đình Hà có 18 312 kg muối. Sau khi bán đi, số muối trong kho đã giảm đi 3 lần so với ban đầu. Hỏi gia đình Hà đã bán đi bao nhiêu ki-lô-gam muối?

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin blue horizontal and vertical lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.

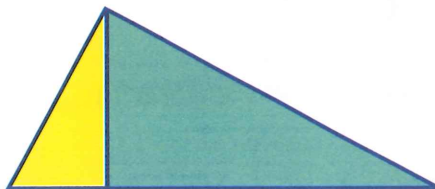


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Hình bên có mấy góc vuông?

- A. 1 B. 2
C. 3 D. 4



Câu 2 Những tháng nào dưới đây có 30 ngày?

- A. 4, 6, 9, 11 B. 5, 7, 8, 10 C. 1, 3, 5, 7 D. 3, 5, 7, 8

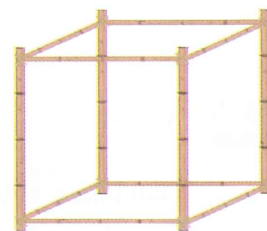
Câu 3 Một tấm bìa hình vuông có chu vi là 36 cm. Diện tích của tấm bìa đó là:

- A. 79 cm^2 B. 64 cm^2 C. 81 cm^2 D. 36 cm^2

Câu 4 Mẹ mua 1 túi muối to cân nặng 500 g và 6 túi muối nhỏ, mỗi túi cân nặng 250 g. Vậy khối lượng muối mẹ mua tất cả là:

- A. 1 500 g B. 1 000 g C. 2 kg D. 1 700 g

Câu 5 Phong muốn làm 5 chiếc đèn lồng dạng khối lập phương. Mỗi cạnh của đèn lồng Phong dùng một nan tre (như bức tranh). Vậy số nan tre Phong cần dùng là:



- A. 36 nan tre B. 48 nan tre C. 72 nan tre D. 60 nan tre

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

13 km = m

16 dm = cm

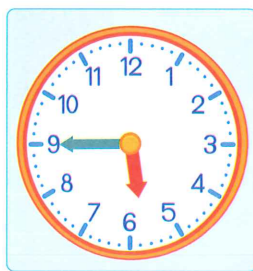
5 m = mm

60 kg = g

400 m = dm

700 cm = m

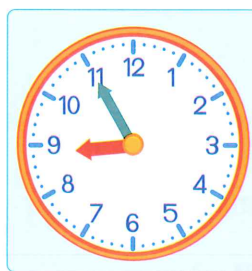
★ **Bài 2** Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?



giờ phút

hoặc

18 giờ kém phút



giờ phút

hoặc

21 giờ kém phút

★ ★ **Bài 3** Tính chu vi và diện tích của mỗi hình sau:

10 cm



5 cm



• Chu vi hình chữ nhật là cm.

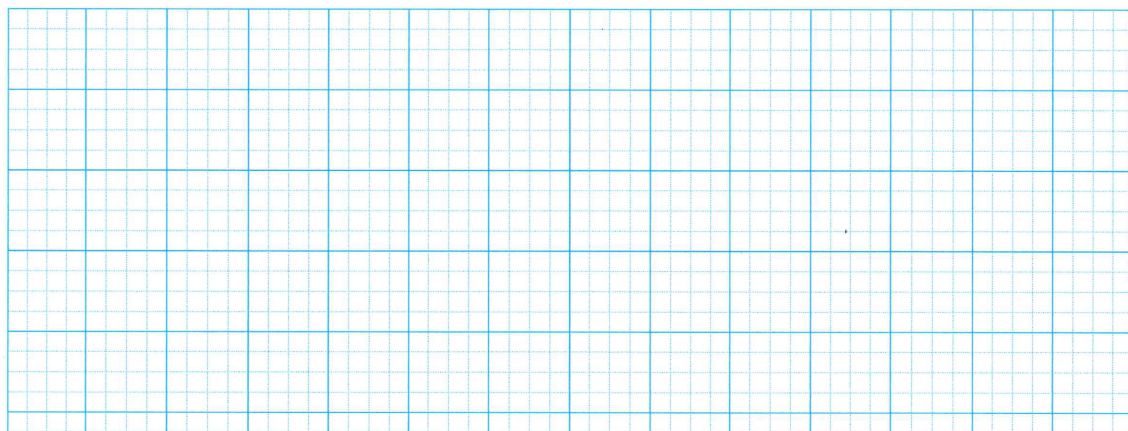
• Diện tích hình chữ nhật là cm².

• Chu vi hình vuông là cm.

• Diện tích hình vuông là cm².

★ ★ ★ **Bài 4** Mẹ đi chợ mua 3 l nước mắm, mỗi lít có giá 28 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng 100 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 "1 triệu = trăm nghìn". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 10 B. 100 C. 1 000 D. 10 000

Câu 2 Số 540 000 được đọc là:

- A. Năm trăm bốn mươi nghìn B. Năm mươi tư nghìn
C. Bốn trăm năm mươi nghìn D. Bốn mươi lăm nghìn

Câu 3 Số "Tám trăm ba mươi một nghìn" được viết là:

- A. 813 000 B. 381 000 C. 831 000 D. 183 000

Câu 4 Cho các số: 630 000; 640 00; 650 000;;;; 690 000; 700 000. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 660 000, 680 000, 700 000 B. 687 000, 688 000, 689 000
C. 651 000, 652 000, 653 000 D. 660 000, 670 000, 680 000

Câu 5 Từ 800 000 đến 900 000 có bao nhiêu số tròn chục nghìn?

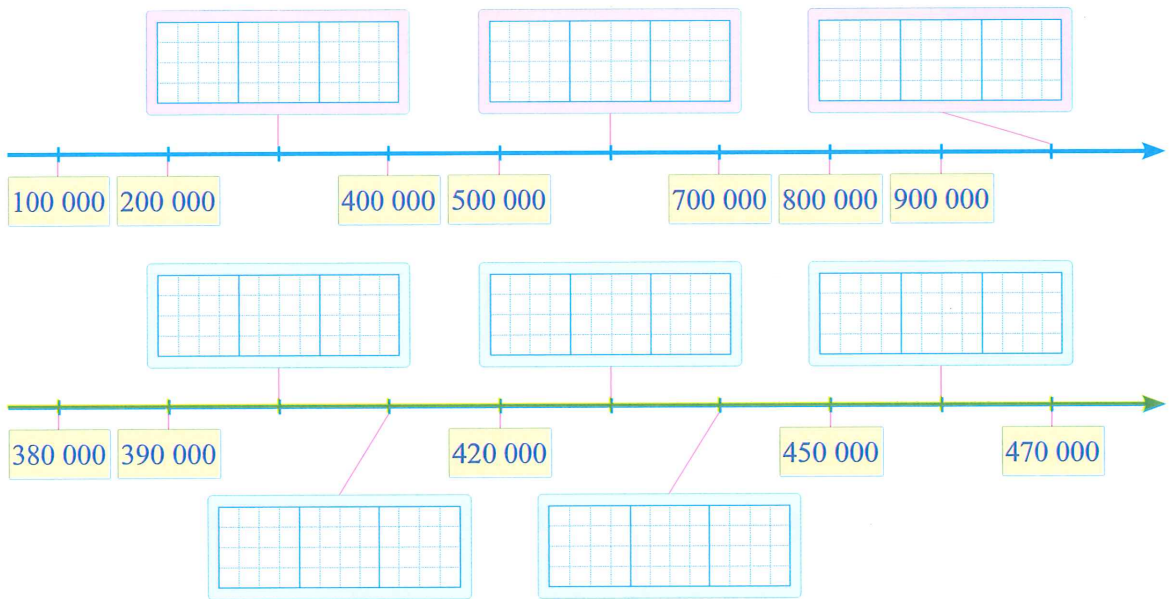
- A. 9 B. 10 C. 11 D. 12

II. Phần tự luận.

Bài 1 Hoàn thành bảng sau:

Viết số	Đọc số
780 000	
920 000	
	Ba trăm sáu mươi nghìn

Bài 2 Số?



Bài 3 Số?

đồng	đồng	đồng

Bài 4 Số?

Bố đi siêu thị mua đồ. Khi thanh toán, bố đưa cô bán hàng các tờ tiền *như bức tranh*. Vậy số tiền bố đã đưa cho cô

bán hàng là đồng.





I. Phần trắc nghiệm.



Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm linh tư" được viết là:

- A. 125 604 B. 125 640 C. 125 004 D. 215 604

Câu 2 Số liền trước của số 900 000 là:

- A. 899 999 B. 889 999 C. 899 899 D. 989 999

Câu 3 Số gồm 6 trăm nghìn 5 nghìn 3 chục 8 đơn vị được viết là:

- A. 653 800 B. 605 038 C. 605 380 D. 653 008

Câu 4 Số 560 360 được viết thành:

- A. $500\,000 + 60\,000 + 3\,000 + 60$ B. $500\,000 + 60\,000 + 300 + 6$
C. $500\,000 + 6\,000 + 300 + 60$ D. $500\,000 + 60\,000 + 300 + 60$

Câu 5 Hiền đếm được trong ví của mẹ có 6 tờ 100 000 đồng, 1 tờ 50 000 đồng, 8 tờ 1 000 đồng và 1 tờ 500 đồng. Vậy số tiền trong ví của mẹ là:

- A. 658 000 đồng B. 158 500 đồng C. 658 500 đồng D. 651 500 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Hoàn thành bảng sau:

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị																								
567 912	<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>				
582 495	<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>				
175 435	<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>				
985 076	<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>					<table><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>				

Bài 2 Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. Số gồm: 7 trăm nghìn 8 chục nghìn 5 nghìn 7 trăm 5 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

b. Số gồm: 8 trăm nghìn 5 nghìn 2 chục 7 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

c. Số gồm: 8 trăm nghìn 4 nghìn 2 trăm 9 chục 1 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

Bài 3 Nối các số sau với tổng thích hợp:

963 207

$500\ 000 + 70\ 000 + 5\ 000 + 20 + 8$

575 028

$900\ 000 + 60\ 000 + 3\ 000 + 200 + 7$

960 327

$500\ 000 + 7\ 000 + 500 + 20 + 8$

507 528

$900\ 000 + 60\ 000 + 300 + 20 + 7$

Bài 4 Cho các tấm thẻ số sau:

2

0

8

5

0

0

Viết các số tròn nghìn có sáu chữ số lập được khi ghép các thẻ số trên:





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

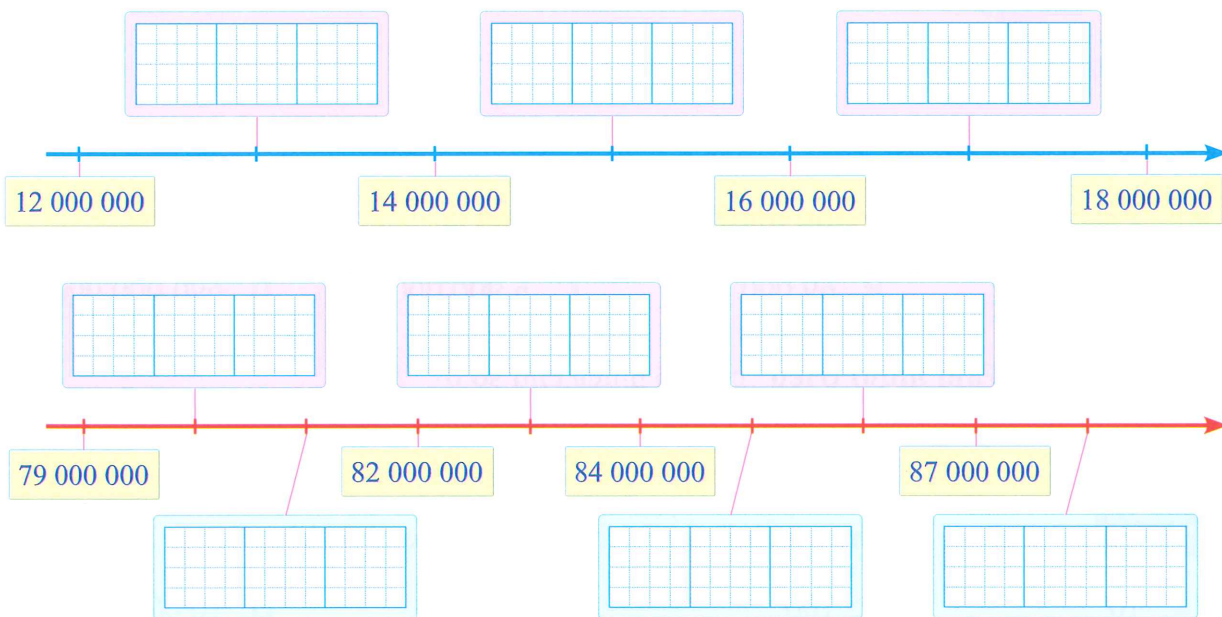
- Câu 1** Số "Sáu trăm chín mươi triệu" được viết là:
 A. 690 000 B. 69 000 000 C. 6 900 000 D. 690 000 000
- Câu 2** Số "Tám mươi triệu" có bao nhiêu chữ số 0?
 A. 6 B. 7 C. 8 D. 9
- Câu 3** "1 tỷ = chục triệu". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:
 A. 10 B. 100 C. 1 000 D. 10 000
- Câu 4** Cho các số: 23 000 000; 24 000 000; 25 000 000;;;; 29 000 000; 30 000 000. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm là:
 A. 25 100 000, 25 200 000, 25 300 000 B. 26 000 000, 27 000 000, 28 000 000
 C. 28 700 000, 28 800 000, 28 900 000 D. 21 000 000, 22 000 000, 28 000 000
- Câu 5** Từ 100 000 000 đến 180 000 000 có bao nhiêu số tròn chục triệu?
 A. 7 B. 8 C. 9 D. 10

II. Phần tự luận.

- Bài 1** Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Đọc số
850 000 000	
720 000 000	
	Chín trăm sáu mươi triệu

Bài 2 Số?



Bài 3 Số?

- Số "Chín trăm triệu" có chữ số, trong đó có chữ số 0.
- Số "Năm mươi triệu" có chữ số, trong đó có chữ số 0.
- Số "Chín mươi lăm triệu" có chữ số, trong đó có chữ số 0.
- Số "Một tỷ" có chữ số, trong đó có chữ số 0.

Bài 4 Cho các thẻ số sau:

1 0 0 8 0 0 0 0 0

Viết các số tròn triệu có tám chữ số lập được khi ghép các thẻ số trên:





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Lớp triệu của số **123 456 789** gồm những chữ số nào?

- A. 1, 2, 3 B. 4, 5, 6 C. 6, 7, 8 D. 7, 8, 9

Câu 2 Chữ số **8** trong số **75 810 923** thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng trăm nghìn, lớp triệu B. Hàng chục nghìn, lớp nghìn
C. Hàng trăm, lớp đơn vị D. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

Câu 3 Giá trị của chữ số **5** trong số **85 231 000** là:

- A. 5 000 000 B. 500 000 C. 50 000 D. 5 000

Câu 4 Số gồm **6** chục triệu **5** chục nghìn **8** chục **2** đơn vị được viết là:

- A. 60 050 820 B. 65 820 000 C. 60 050 082 D. 60 582 000

Câu 5 Hà đang nghĩ đến một số có tám chữ số. Số đó chứa chữ số **1** ở lớp nghìn và chữ số **8** ở lớp đơn vị. Số mà Hà đang nghĩ đến có thể là:

- A. 81 251 976 B. 75 829 167 C. 35 187 500 D. 46 712 805

II. Phần tự luận.

Bài 1 Hoàn thành bảng sau:

Viết số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
654 243 890									
718 605 536									

Bài 2 Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. Số gồm: 3 trăm triệu 7 triệu 6 trăm nghìn 5 trăm.

Viết là:

Đọc là:

b. Số gồm: 8 trăm triệu 5 chục nghìn 3 trăm 1 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

Bài 3 Tìm hàng, lớp, giá trị của chữ số 8 trong các số dưới đây (theo mẫu):

Số	56 8 35 526	1 81 235 936	72 8 956 034	325 7 8 6 142
Hàng	Trăm nghìn			
Lớp	Nghìn			
Giá trị	800 000			

Bài 4 Viết các số sau thành tổng theo các hàng:

108 567 005 =

65 070 091 =

Bài 5 Viết các số có chín chữ số có được khi ghép các tấm thẻ sau:

023

587

419





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Bảy mươi một triệu ba trăm linh tư nghìn chín trăm" được viết là:

- A. 713 400 900 B. 71 304 900 C. 71 340 090 D. 71 304 009

Câu 2 Số nào dưới đây có chữ số 9 thuộc lớp nghìn?

- A. 19 657 825 B. 982 187 000 C. 162 916 480 D. 73 805 195

Câu 3 Số gồm 6 trăm triệu 3 nghìn 8 trăm 5 đơn vị được viết là:

- A. 6 385 B. 600 003 805 C. 638 500 000 D. 600 385 000

Câu 4 Giá trị của chữ số 4 trong số 178 654 390 là:

- A. 4 000 000 B. 400 000 C. 40 000 D. 4 000

Câu 5 Mai đang nghĩ đến một số có chín chữ số. Số đó có chữ số hàng chục triệu là số lớn nhất có một chữ số và có lớp nghìn chứa số nhỏ nhất có một chữ số. Số mà Mai đang nghĩ đến có thể là:

- A. 199 055 728 B. 918 276 408 C. 182 560 754 D. 295 157 800

II. Phần tự luận.

Bài 1 Hoàn thành bảng sau:

Viết số	Đọc số
955 700 000	
84 050 000	
	Năm mươi một triệu năm trăm nghìn năm trăm

Tìm hàng, lớp, giá trị của chữ số 6 trong các số dưới đây:

Số	185 654 719	82 345 762	965 187 345	715 426 115																																																
Hàng	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>												
Lớp	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>												
Giá trị	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>													<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>												

Bài 3

Số?

a. Số

[illegible]

gồm 2 chục triệu 5 trăm nghìn 6 chục 2 đơn vị.

b. Số

[illegible]

gồm 4 trăm triệu 5 chục nghìn 9 trăm 6 đơn vị.

c. Số

--	--	--	--	--	--

gồm 1 chục triệu 5 trăm nghìn 8 nghìn 7 đơn vị.

Bài 4

Viết các số sau thành tổng theo các hàng:

$$506\,005\,125 =$$
[illegible]
$$80\ 510\ 036 =$$
[illegible]
$$670\,000\,512 =$$
[illegible]

Bài 5

Số?

Hiện đang nghĩ đến một số tròn triệu có chín chữ số. Số đó có chữ số hàng triệu là số lớn nhất có một chữ số và các chữ số thuộc lớp triệu là ba số liên tiếp.

Số mà Hiền đang nghĩ đến là

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số 4 159 464 lớn hơn số nào dưới đây?

- A. 4 159 474 B. 4 169 464 C. 4 159 446 D. 4 169 446

Câu 2 Số?

- A. 9 B. 1
C. 8 D. 0

$$5279 \boxed{?} 0 > 527985$$

Câu 3 Số?

- A. 589 990 B. 614 312
C. 620 000 D. 605 900

$$595000 < \boxed{?} < 614200$$

Câu 4 Trong các số dưới đây, số nhỏ nhất là:

- A. 1 181 005 B. 1 180 989 C. 1 280 205 D. 2 180 711

Câu 5 Các số nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé?

- A. 256 183; 260 183; 256 180; 265 180 B. 256 180; 265 180; 256 183; 260 183
C. 265 180; 256 183; 256 180; 260 183 D. 265 180; 260 183; 256 183; 256 180

II. Phần tự luận.

Bài 1 $> ; < ; =$?

$$211\,360 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array} 210\,600$$

$$171\,253\,789 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array} 171\,344\,205$$

$$181\,202 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array} 161\,200$$

$$6\,155\,311 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array} 6\,000\,000 + 200\,000 + 9$$

$$17\,144\,530 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array} 19\,411\,540$$

$$56\,000\,080 \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array} 50\,000\,000 + 6\,000\,000 + 80$$

Bài 2

Bài 2

77 

24 290 1

500 233

256 155

65 892 8

Bài 3

Sắp xếp các số dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn.

762 928

825 389

765 327

815 246

[illegible]

20 785 000

19 574 000

20 875 000

21 205 000

[illegible]

Bài 4

Bốn đôi giày dưới đây bị tuột mất nhãn ghi giá. Hà đang tìm cách xếp lại các nhãn ghi giá đó. Bạn ấy nhớ rằng: đôi giày màu xanh đắt hơn đôi giày màu hồng nhưng lại rẻ hơn đôi giày màu vàng, đôi giày màu đỏ rẻ hơn đôi giày màu hồng. Hãy giúp Hà tìm lại giá cho những đôi giày đó.



345 000 đồng

512 000 đồng

473 000 đồng

350 000 đồng





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số 7 546 180 làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 7 500 000 B. 7 600 000 C. 7 550 000 D. 7 540 000

Câu 2 Số nào dưới đây sau khi làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được 62 800 000?

- A. 62 882 000 B. 62 857 000 C. 62 745 000 D. 62 763 000

Câu 3 Một chiếc tủ lạnh có giá 9 830 000 đồng. Người bán hàng tính giá 9 800 000 đồng. Như vậy, người bán hàng đã làm tròn giá tiền của chiếc tủ lạnh đến:

- A. Hàng nghìn B. Hàng chục nghìn
C. Hàng trăm D. Hàng trăm nghìn

Câu 4 Tính đến cuối năm 2021, dân số của tỉnh Hà Giang ước tính là 887 086 người. Nếu làm tròn đến hàng trăm nghìn, ta có thể nói:

Dân số của tỉnh Hà Giang năm 2021 ước tính là:

- A. 880 000 người B. 900 000 người C. 890 000 người D. 800 000 người

II. Phần tự luận.

Bài 1 Hoàn thành bảng sau:

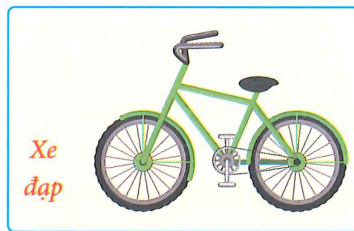
Số	Làm tròn đến														
	Hàng nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng trăm nghìn												
6 353 600	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				
76 426 710	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				
125 880 501	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>					<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				

Bài 2 Làm tròn giá của các mặt hàng dưới đây đến hàng trăm nghìn:



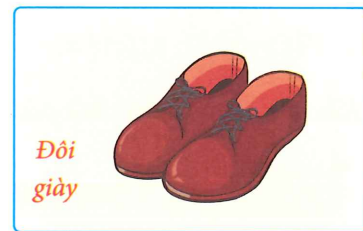
15 683 000 đồng

đồng



3 282 000 đồng

đồng



845 000 đồng

đồng

Bài 3 Điền "**ngìn, chục nghìn**" hoặc "**trăm nghìn**" vào chỗ trống cho thích hợp:

33 562 754

Làm tròn đến hàng

33 600 000

7 584 986

Làm tròn đến hàng

7 580 000

87 256 390

Làm tròn đến hàng

87 256 000

Bài 4 Dưới đây là bảng số liệu dân số của 4 tỉnh thành năm 2019.

Tỉnh	Cao Bằng	Bắc Ninh	Yên Bái	Hà Tĩnh
Số dân (người)	530 431	1 368 840	821 030	1 288 866

Viết lại số dân các tỉnh thành trên sau khi đã làm tròn đến hàng trăm nghìn:

Tỉnh	Cao Bằng	Bắc Ninh	Yên Bái	Hà Tĩnh
Số dân (người)				





Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

A. 9 cái bánh B. 10 cái bánh C. 11 cái bánh D. 13 cái bánh

1 524

- Số chẵn là:

- Số lẻ là:



Bài 2 Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. Số gồm: 7 triệu 2 trăm nghìn 5 nghìn 8 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

b. Số gồm: 3 trăm triệu 4 nghìn 3 trăm 1 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:



Bài 3 Viết số thích hợp vào chỗ trống để được:

Ba số chẵn liên tiếp

1 820

2 490

5 000

Ba số lẻ liên tiếp

7 361

10 001

981



Bài 4 Dưới đây là bảng thống kê dân số của một số quận ở Hà Nội năm 2021.

Tên quận	Thanh Xuân	Hoàng Mai	Long Biên	Ba Đình
Số dân (người)	266 000	364 900	270 300	242 800

a. Quận có đông dân nhất là quận

b. Quận có số dân ít nhất là quận





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Ba số tự nhiên liên tiếp là:

- A. 298, 299, 300 B. 305, 410, 512 C. 520, 620, 720 D. 80, 90, 100

Câu 2 Cho các số: 1 264, 1 265, 1 266,,, 1 269, 1 270, 1 271. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 1 267, 1272 B. 1 264, 1268 C. 1 267, 1 268 D. 1 268, 1 271

Câu 3 Hai số tự nhiên liên tiếp nhau hơn kém nhau số đơn vị là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4 Số tự nhiên liền trước của số bé nhất có bốn chữ số là:

- A. 1 000 B. 1 001 C. 999 D. 9 999

Câu 5 Ngoài phòng thi có dán danh sách các thí sinh và số báo danh. Tên của An xếp trên tên của Hà, tên của Hà xếp trên tên của Hùng. Số báo danh của Hùng là 218. Vậy số báo danh của An và Hà lần lượt là:

- A. 217, 219 B. 216, 217 C. 219, 220 D. 217, 216

II. Phần tự luận.

Bài 1 Viết số thích hợp vào chỗ trống để được ba số tự nhiên liên tiếp:

2 003

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

968

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1 872

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5 167

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6 000

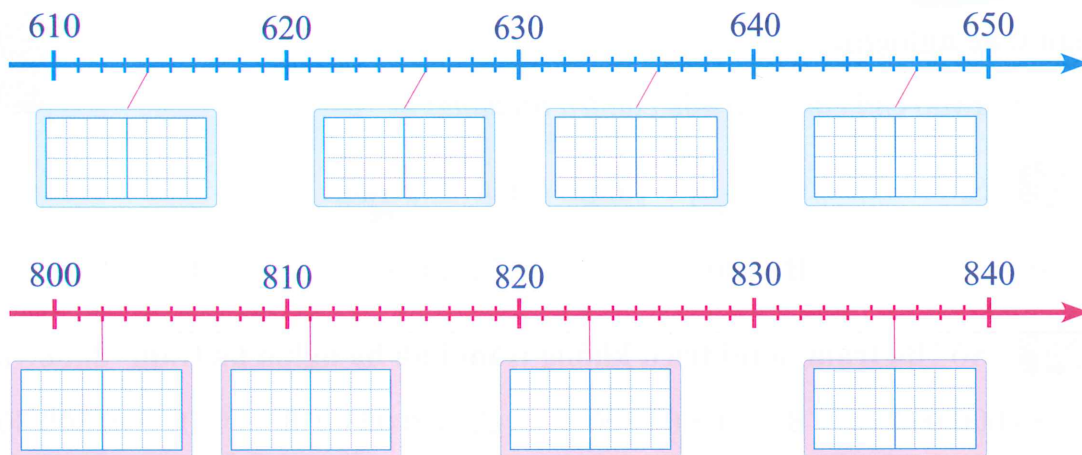
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

7 999

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



★ Bài 2 Số?



★ Bài 3 Đ ; S ?

- ☐ a. Số 1 000 000 000 là số tự nhiên lớn nhất.
- ☐ b. Dãy số 1, 2, 3, 4, 5, 6 là dãy số tự nhiên.
- ☐ c. 0 là số tự nhiên duy nhất không có số liền sau.
- ☐ d. Số liền sau của một số hơn số liền trước của số đó 2 đơn vị.

★ Bài 4 Số?

- a. Trong dãy số tự nhiên, số tự nhiên bé nhất là
- b. Số tự nhiên bé nhất có hai chữ số là
- c. Số tự nhiên lớn nhất có năm chữ số là
- d. Số tự nhiên liền sau của số lớn nhất có sáu chữ số là



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:



Câu 1 Số?

? trăm nghìn = 1 triệu

- A. 10 B. 100 C. 1 000 D. 10 000

Câu 2 Số "Ba trăm mười triệu không trăm linh ba nghìn ba trăm" được viết là:

- A. 333 000 000 B. 310 003 300 C. 310 003 030 D. 310 300 300

Câu 3 Số liền trước của số 795 000 là:

- A. 795 001 B. 795 999 C. 794 000 D. 794 999

Câu 4 Số nào dưới đây viết thành $100\,000 + 20\,000 + 5\,000 + 600 + 7$?

- A. 125 670 B. 125 607 C. 102 567 D. 125 067

Câu 5 Giá trị của chữ số 9 trong số 129 564 783 là:

- A. 900 000 000 B. 90 000 000 C. 9 000 000 D. 900 000

Câu 6 Trong các số dưới đây, số lớn nhất là:

- A. 3 273 361 B. 3 261 858 C. 3 190 000 D. 2 999 000

II. Phần tự luận.

Bài 1 Nói:

1 205 060

Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm

1 250 006

Một triệu hai trăm linh năm nghìn không trăm sáu mươi

1 025 600

Một triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm linh sáu

Bài 2 Điền vào chỗ trống cho thích hợp:



a. Số gồm: 2 chục triệu 5 nghìn 3 trăm 6 đơn vị.

Viết là:

[illegible]

Độc là:

b. Số gồm: 6 trăm triệu 4 triệu 3 nghìn 2 trăm.

Viết là:

[illegible]

Độc là:

Bài 3

 $763\,431 =$ [illegible]
$$20\ 048\ 056 =$$
[illegible]

Bài 4

Số	56 734 198	95 635 128	7 814 652	182 736 145
Giá trị				

Bài 5 Bảng thống kê bên cho biết số lượt khách quốc tế đến Việt Nam từ một số khu vực năm 2022:

a. Số lượt khách đến Việt Nam nhiều nhất từ khu vực nào?

[illegible]

b. Sắp xếp tên các khu vực theo thứ tự số lượt khách giảm dần:

[illegible]

Khu Vực	Số lượt khách
Châu Á	2 595 800
Châu Úc	156 600
Châu Âu	508 400
Châu Mỹ	388 900



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

A. 50

B. 500

C. 5 000

D. 50 000

5 tấn = ? kg

Câu 2 Kết quả tính $123 \text{ tạ} \times 3$ là:

A. 369 tạ

B. 369 tấn

C. 369 yến

D. 369 kg

Câu 3 Người ta đóng 4 tạ 80 kg gạo vào các túi, mỗi túi 8 kg. Vậy số túi gạo đóng được là:

A. 55 túi

B. 60 túi

C. 62 túi

D. 70 túi

Câu 4 Bằng cách làm tròn đến hàng chục, Mai nói con bò của gia đình Mai nặng khoảng 380 kg. Vậy trên thực tế, số đo nào dưới đây có thể là số đo cân nặng của con bò?



A. 3 tạ 82 kg

B. 3 tạ 7 yến

C. 3 tạ 58 kg

D. 3 tạ 86 kg

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

3 tấn = yến

8 tấn = tạ

6 tấn = kg

7 tạ = yến

2 tạ = kg

41 tạ = kg

60 000 kg = tấn

3 000 yến = tạ

8 000 yến = tấn

Bài 2 Tính.



$$120 \text{ yên} + 880 \text{ yên} =$$

[illegible]

$$6\,150 \text{ tạ} - 3\,425 \text{ tạ} =$$

[illegible]

$$900 \text{ tấn} - 370 \text{ tấn} =$$

[illegible]

$$270 \text{ tấn} \times 3 =$$

$$8\,550 \text{ tạ} : 5 =$$

[illegible]

$$1\,800 \text{ yên} \times 4 =$$

[illegible]

Bài 3 Số?

3 tấn 40 kg =

 kg

[illegible]

4 tạ 65 kg =

 kg

A blank grid for drawing a picture, consisting of 10 columns and 10 rows of squares.

8 yến 7 kg =

 kg

[illegible]

5 tấn 6 yến =

 yến

A blank grid for drawing a picture, consisting of 10 columns and 5 rows of squares.

13 tấn 5 tạ =

 tạ

[illegible]

6 tấn 4 yến =

 kg

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of 10 columns and 8 rows of small squares. A thicker vertical line divides the grid into two equal halves of 5 columns each. There are also thicker horizontal lines at the top and bottom edges of the grid.

Bài 4 Năm ngoái, gia đình bác Sơn thu hoạch được 6 tấn 80 kg vải thiều. Năm nay, gia đình bác thu hoạch được nhiều hơn năm ngoái 7 tạ 50 kg. Hỏi cả hai năm gia đình bác Sơn thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam vải thiều?

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

A. 230

B. 240

C. 250

D. 260

4 phút 10 giây = ? giây

Câu 2 Thời gian xe buýt dừng để đón và trả khách tại một điểm khoảng:

A. 60 ngày

B. 60 giờ

C. 60 phút

D. 60 giây

Câu 3 An gấp một con hạc giấy hết 2 phút 10 giây. Cứ làm như vậy, để gấp 5 con hạc giấy, An cần thời gian là:

A. 130 giây

B. 450 giây

C. 550 giây

D. 650 giây

Câu 4 My, Hà, Mai và Hiền cùng tham gia một cuộc thi chạy. My mất 3 phút 15 giây để chạy về đích, Hà mất 380 giây, Mai mất 4 phút 10 giây và Hiền mất 260 giây. Vậy bạn chạy nhanh nhất là:

A. My

B. Hà

C. Mai

D. Hiền

Câu 5 Thời gian tàu điện dừng ở mỗi ga đến là 30 giây. Tàu khởi hành đi từ ga số 1 và đang tiến đến ga số 6. Thời gian tàu đã dừng ở các ga trước đó tất cả là:

A. 90 giây

B. 120 giây

C. 150 giây

D. 180 giây

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

6 phút =

 giây

9 phút =

 giây

3 phút 35 giây =

 giây

7 phút 10 giây =

 giây





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

- A. 50 B. 500
C. 5 000 D. 50 000

5 thế kỉ = ? năm

Câu 2 Năm nào dưới đây thuộc thế kỉ XVIII?

- A. 1890 B. 2010 C. 1790 D. 1805

Câu 3 Nhà hát Lớn Hà Nội được khánh thành năm 1911. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

- A. XX B. XIX C. XXI D. XVIII

Câu 4 Năm 1287, quân Mông Nguyên xâm lược nước ta lần thứ ba. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

- A. XII B. XIII C. XIV D. XV

Câu 5 Lễ kỉ niệm 230 năm ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du được tổ chức vào năm 1996. Vậy Nguyễn Du được sinh ra ở thế kỉ nào?

- A. XVI B. XVII C. XVIII D. XIX

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

3 thế kỉ = năm

8 thế kỉ = năm

5 thế kỉ = năm

900 năm = thế kỉ

400 năm = thế kỉ

600 năm = thế kỉ



Bài 2 Các năm dưới đây thuộc thế kỉ nào?

Năm 1889

Năm 1996

Năm 2023

Năm 1784

Năm 1700

Thế kỉ XXI

Thế kỉ XX

Thế kỉ XIX

Thế kỉ XVII

Thế kỉ XVIII

Bài 3 Số?

a. Từ

 năm đến năm

 là thế kỉ VIII.

b. Từ

 năm đến năm

 là thế kỉ XII.

c. Từ

 năm đến năm

 là thế kỉ XIX.

Bài 4 Điền vào chỗ trống:

a. Năm 1789 thuộc thế kỉ

, vua Quang Trung đại phá quân Thanh.

b. Năm 2010 thuộc thế kỉ

, đất nước ta kỉ niệm 1000 năm kể từ khi vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La (Hà Nội ngày nay). Vậy vua Lý Công

Uẩn đã dời đô từ Hoa Lư về Đại La năm

, thuộc thế kỉ

.

Bài 5 Điền vào chỗ trống:

Phát thanh viên của đài truyền hình thông báo: "*Còn 10 phút nữa, chúng ta sẽ bước sang thế kỉ XXI*". Vậy thời điểm phát thanh viên thông báo là:

giờ

 phút, ngày

, tháng

, năm

.

[illegible]



Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

A blank sheet of graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 15 rows, creating a total of 300 square units. The lines are thin and light gray, typical of standard graph paper used for mathematics or engineering. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài giải

Trang và Huy cùng nhau chạy bộ quanh hồ. Trang chạy 5 vòng quanh hồ được 2 500 m. Huy chạy 7 vòng quanh hồ. Hỏi Huy chạy được bao nhiêu mét?

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares. There are 10 columns and 8 rows of squares visible on the page.

Bài giải

An mua 4 cốc nước mía hết 32 000 đồng. Cùng lúc đó, một nhóm bạn mua 6 cốc nước mía. Hỏi nhóm bạn đó phải trả bao nhiêu tiền?

[illegible]

Bài 4

Hà có một cuốn sách. Trong 4 ngày đầu, Hà đọc được 48 trang sách. Đến ngày thứ 8, Hà đã đọc xong cuốn sách đó. Biết mỗi ngày Hà đọc số trang sách như nhau. Hỏi cuốn sách của Hà có bao nhiêu trang?

Bài giải

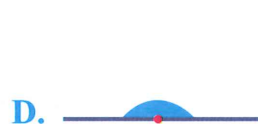
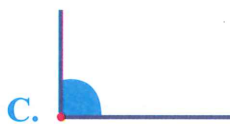
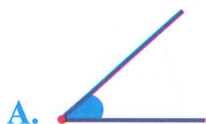
A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin blue horizontal and vertical lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.



I. Phần trắc nghiệm.

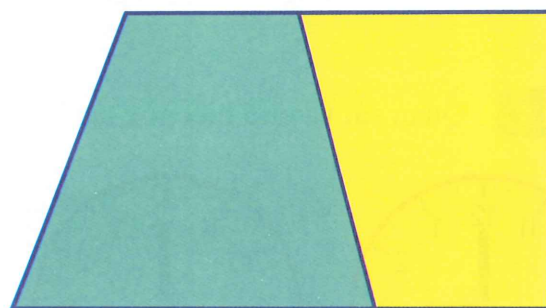
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong các góc dưới đây, góc nào là góc nhọn?



Câu 2 Hình bên có mấy góc tù?

- A. 1 B. 2
C. 3 D. 4



Câu 3 Hình bên có mấy góc bẹt?

- A. 1 B. 2
C. 3 D. 4

Câu 4 Góc tạo bởi hai kim đồng hồ khi đồng hồ chỉ 2 giờ là góc gì?

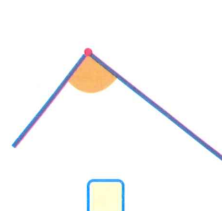
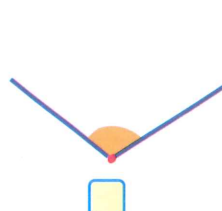
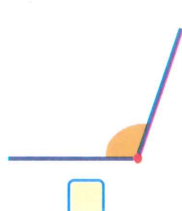
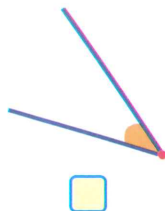
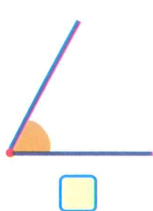
- A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc vuông D. Góc bẹt

Câu 5 Câu đúng là:

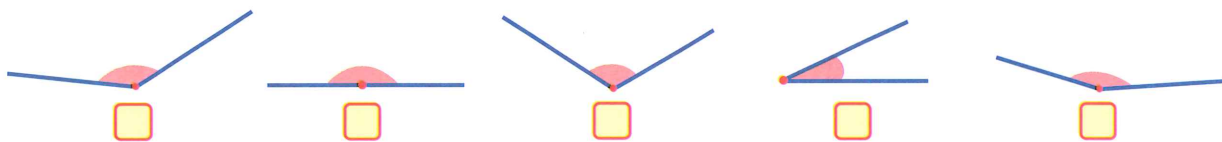
- A. Góc vuông nhỏ hơn góc nhọn. B. Góc nhọn lớn hơn góc bẹt.
C. Góc tù nhỏ hơn góc nhọn. D. Góc bẹt bằng hai góc vuông.

II. Phần tự luận.

Bài 1 Điền dấu (✓) vào ô trống dưới các góc nhọn:



Bài 2 Điền dấu (✓) vào ô trống dưới các góc tù:



Bài 3 Số?

Hình vẽ bên có:



góc nhọn



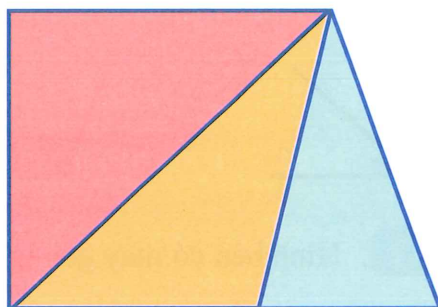
góc bẹt



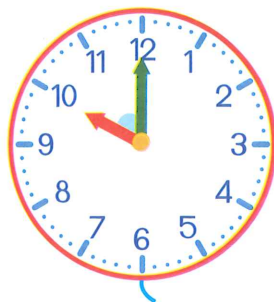
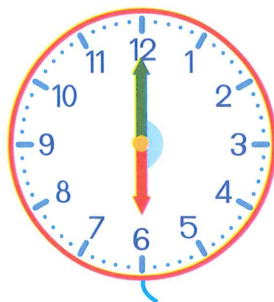
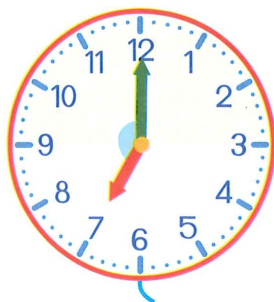
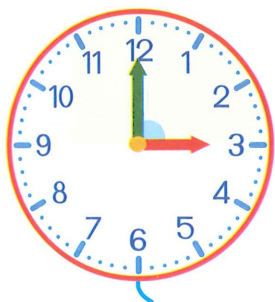
góc vuông



góc tù



Bài 4 Quan sát và cho biết góc tạo bởi kim giờ và kim phút là góc gì?



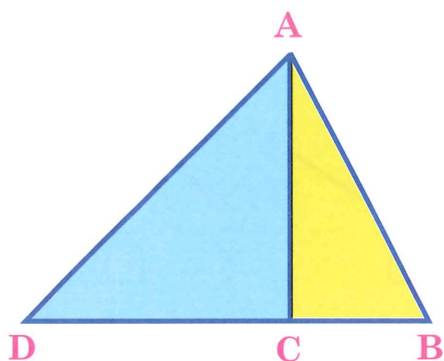
Góc tù

Góc vuông

Góc nhọn

Góc bẹt

Bài 5 Điền vào chỗ trống:



Góc	Loại góc
Góc đỉnh A; cạnh AD, AC	
Góc đỉnh C; cạnh CD, CA	
Góc đỉnh C; cạnh CD, CB	





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Đơn vị đo góc là:

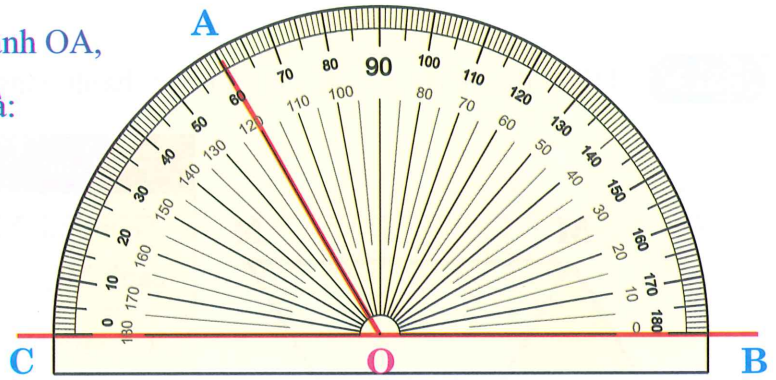
- A. Độ xê B. Độ C. Gam D. Mi-li-lít

Câu 2 Dụng cụ được dùng để đo số đo của một góc là:

- A. Nhiệt kế B. Cân đĩa C. Thước đo góc D. Thước ê ke

Câu 3 Số đo góc đỉnh O; cạnh OA, OB (như hình bên) là:

- A. 120°
B. 90°
C. 60°
D. 180°



Câu 4 Số đo góc đỉnh O; cạnh OC, OA (như hình trên) là:

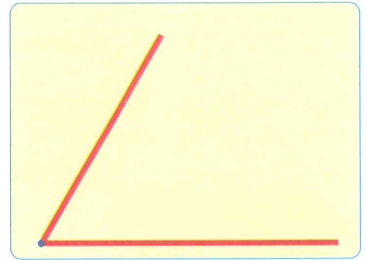
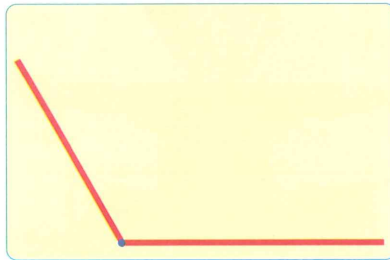
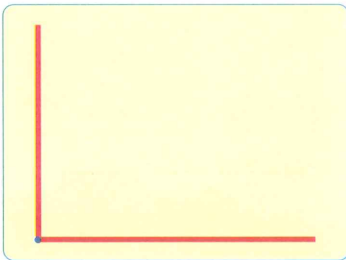
- A. 120° B. 180° C. 90° D. 60°

Câu 5 Góc tạo bởi hai kim đồng hồ khi đồng hồ chỉ 3 giờ có số đo là:

- A. 60° B. 90° C. 120° D. 180°

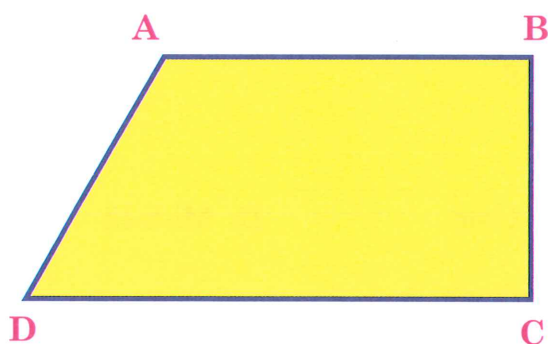
II. Phần tự luận.

Bài 1 Dùng thước đo góc để đo số đo các góc dưới đây:



Bài 2

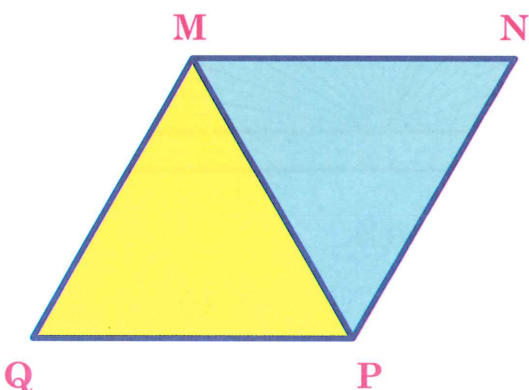
Dùng thước đo góc để đo và hoàn thành bảng dưới đây:



Góc	Số đo góc																				
Góc đỉnh A; cạnh AD, AB	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																				
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																				
Góc đỉnh C; cạnh CB, CD	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																				
Góc đỉnh D; cạnh DA, DC	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																				

Bài 3

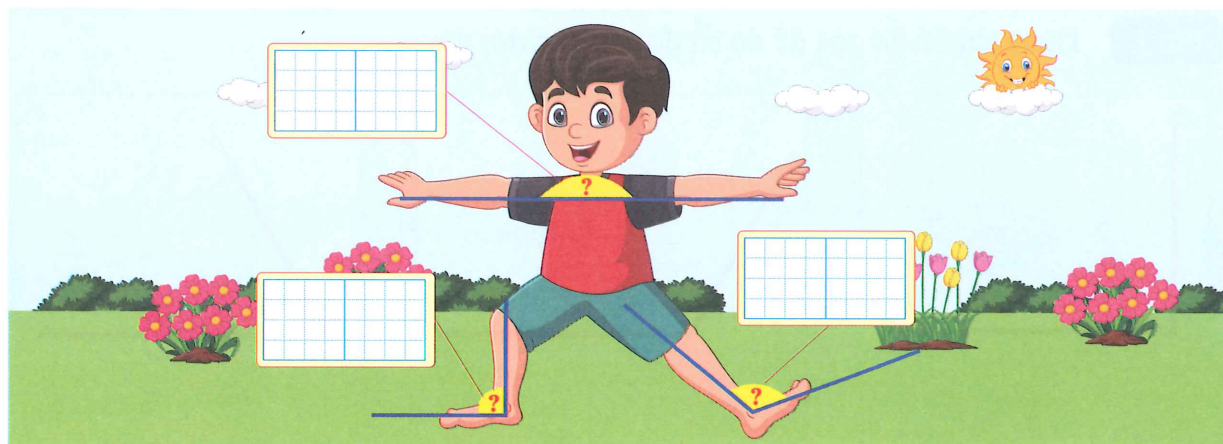
Dùng thước đo góc để đo và hoàn thành bảng dưới đây:



Góc	Số đo góc	Loại góc																																																																																																				
Góc đỉnh M; cạnh MQ, MP	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																			<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																		
Góc đỉnh N; cạnh NM, NP	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																			<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																		
Góc đỉnh P; cạnh PQ, PN	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																			<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																		
Góc đỉnh P; cạnh PQ, PM	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																			<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																																																		

Bài 4

Đo và viết số đo góc cho trường hợp dưới đây.



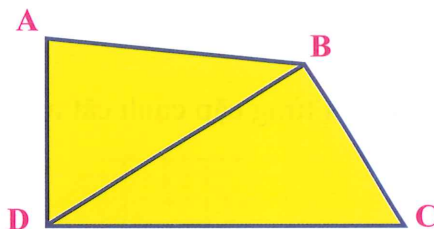


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

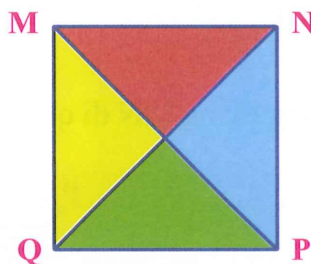
Câu 1 Đoạn thẳng DA vuông góc với đoạn thẳng nào?

- A. DC B. DB
C. AB D. BC



Câu 2 Hình vẽ bên có mấy cặp cạnh vuông góc với nhau?

- A. 4 B. 5
C. 7 D. 8

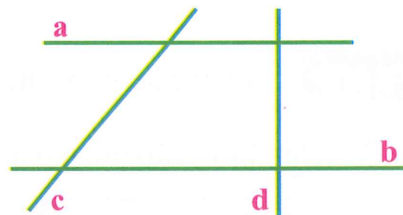


Câu 3 Hình vẽ trên có mấy cặp cạnh cắt nhau nhưng không vuông góc với nhau?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

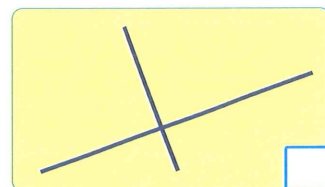
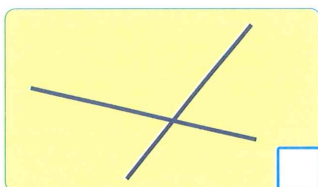
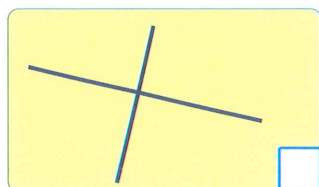
Câu 4 Câu đúng với hình vẽ bên là:

- A. Đường thẳng a vuông góc với đường thẳng b.
B. Đường thẳng c vuông góc với đường thẳng d.
C. Đường thẳng a vuông góc với đường thẳng c.
D. Đường thẳng b vuông góc với đường thẳng d.



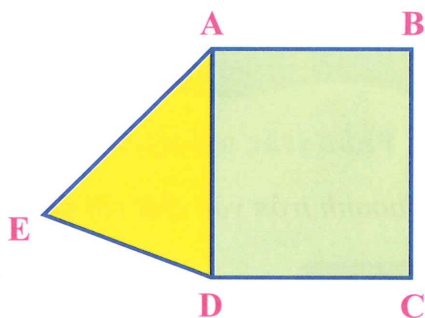
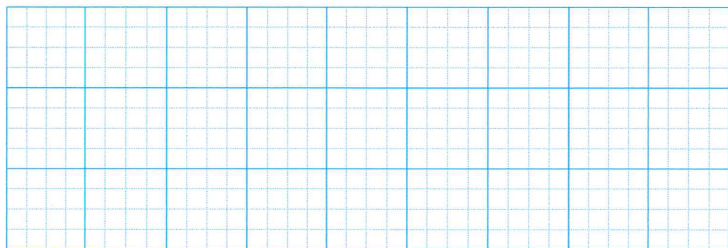
II. Phần tự luận.

Bài 1 Điền dấu (✓) vào ô trống cạnh hai đường thẳng vuông góc với nhau:

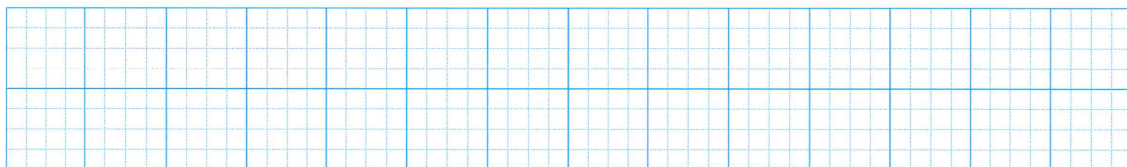


Bài 2 Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông rồi:

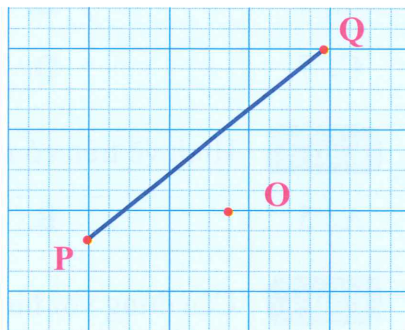
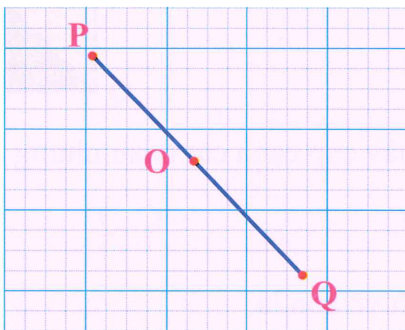
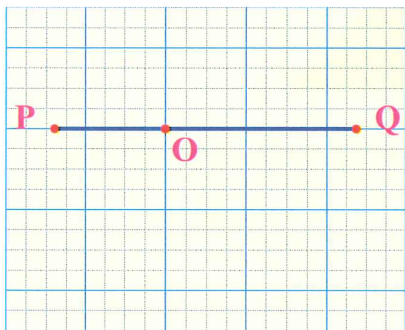
a. Viết tên từng cặp cạnh vuông với nhau:



b. Viết tên từng cặp cạnh cắt nhau mà không vuông góc với nhau:

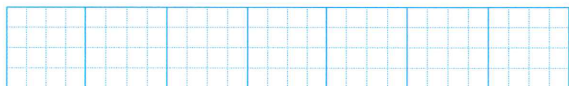


Bài 3 Vẽ đường thẳng MN đi qua điểm O và vuông góc với đường thẳng PQ:



Bài 4 Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông hình vẽ sau:

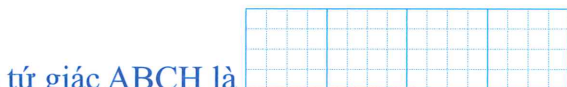
a. Viết tên từng cặp đoạn thẳng vuông với nhau.



b. Vẽ đoạn thẳng AH vuông góc với đoạn thẳng DC sao cho điểm H ở giữa hai điểm D và C.



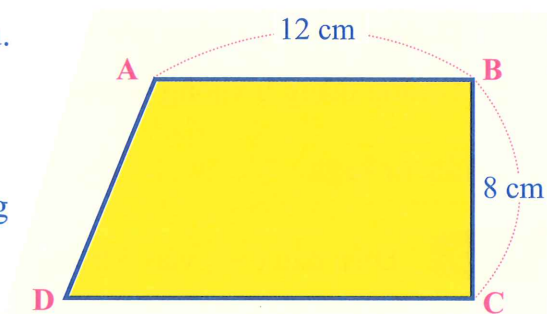
• ABCH là hình



c. Chu vi của hình tứ giác ABCH là



Diện tích của hình tứ giác ABCH là



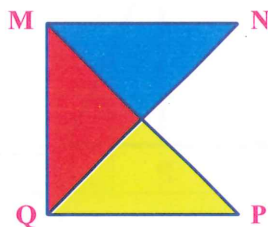


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

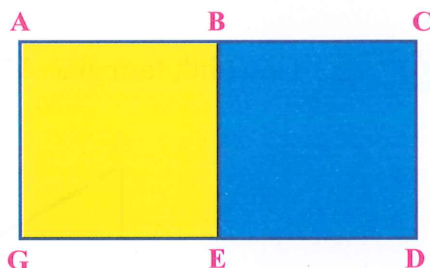
Câu 1 Hai đoạn thẳng nào trong hình vẽ bên song song với nhau?

- A. MN và QP B. MP và QN
C. MQ và NQ D. MP và QP

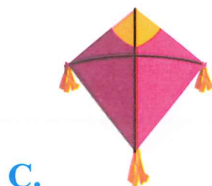
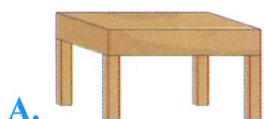


Câu 2 Đoạn thẳng AG song song với những đoạn thẳng nào?

- A. AB và ED B. BE và CD
C. GD và CD D. BE và ED



Câu 3 Đồ vật nào dưới đây không có hai đường thẳng song song?



II. Phần tự luận.

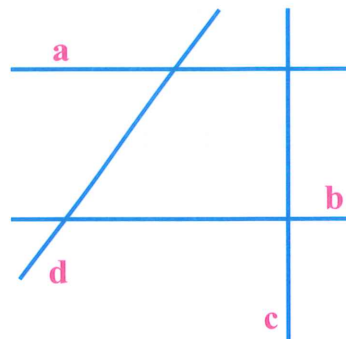
Bài 1 Quan sát hình vẽ và điền "cắt nhau, song song, vuông góc" vào chỗ trống:

• Đường thẳng a và đường thẳng b

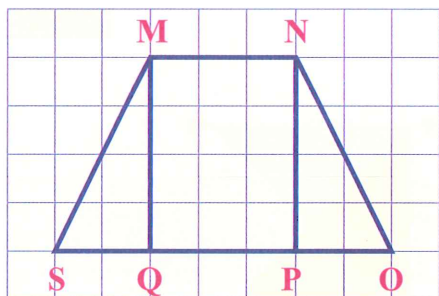
• Đường thẳng a và đường thẳng c

• Đường thẳng b và đường thẳng d

• Đường thẳng b và đường thẳng c

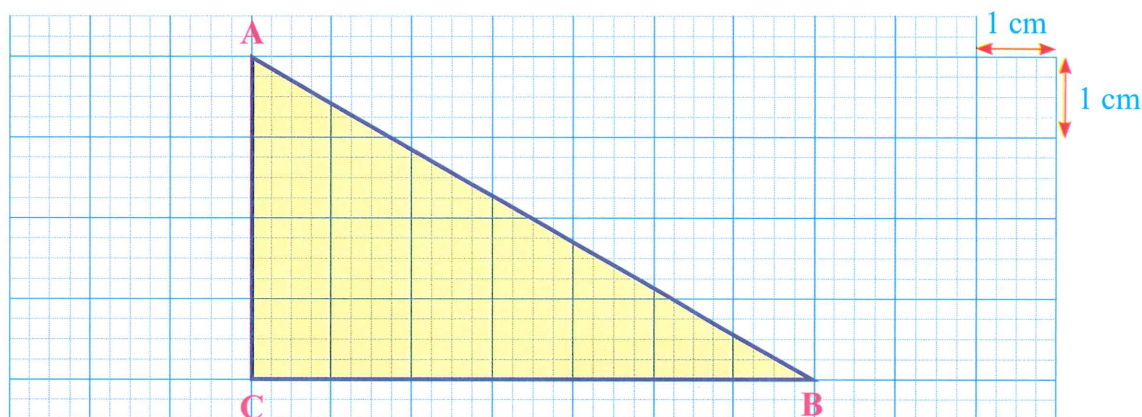


Hình vẽ bên có:



- ☐ a. Đoạn thẳng MN và QP song song với nhau.
 - ☐ b. Đoạn thẳng MN và SP song song với nhau.
 - ☐ c. Đoạn thẳng MQ và NO song song với nhau.
 - ☐ d. Đoạn thẳng SO và NP vuông góc với nhau.

Cho hình tam giác ABC, cạnh AC và CB vuông góc với nhau (như hình vẽ):



- a. Qua điểm A, vẽ đường thẳng AD song song với CB và
Qua điểm B vẽ đường thẳng BE song song với CA.
Hai đường thẳng AD và BE cắt nhau tại điểm H, được hình chữ nhật AHBC.
- b. Viết tên các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật AHBC.

[illegible]

- c. Tính diện tích của hình chữ nhật AHBC.**

The image shows a sheet of graph paper. It features a large grid of 10 columns and 10 rows. In the top-left corner, there is a smaller grid of 10 columns and 10 rows, which is a sub-grid of the main grid. The grid lines are light blue, and the background is white.



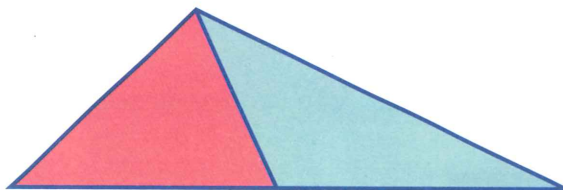


I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

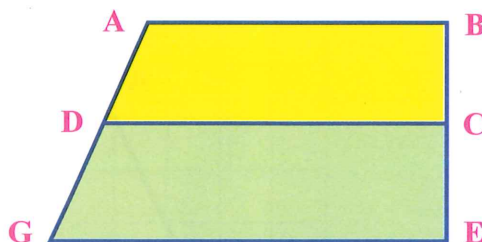
Câu 1 Hình vẽ bên có mấy góc nhọn?

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6



Câu 2 Trong hình vẽ bên, đoạn thẳng BE vuông góc với những đoạn thẳng nào?

- A. AB, DC và GE B. GE, AD và AG
C. AG, AD và DC D. DC, AD và GD



Câu 3 Trong hình vẽ trên, đoạn thẳng AB song song với những đoạn thẳng nào?

- A. CD và BE B. CE và CD C. EG và DG D. CD và EG

Câu 4 Hình vẽ bên có mấy cặp đường thẳng song song?

- A. 2 B. 3
C. 4 D. 5



Câu 5 Góc nào dưới đây có số đo lớn nhất?

- A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc bẹt D. Góc vuông

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Hình vẽ bên có:



góc nhọn



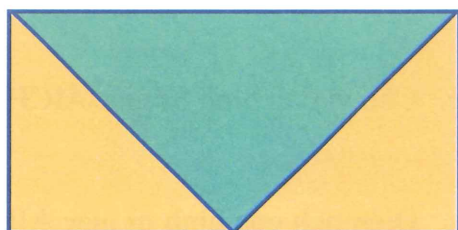
góc bẹt



góc vuông



góc tù



★ ★
Bài 2 Số?

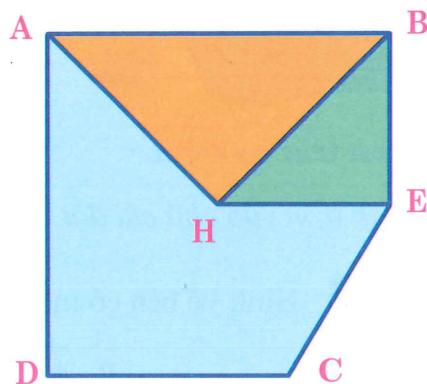
Hình vẽ bên có:



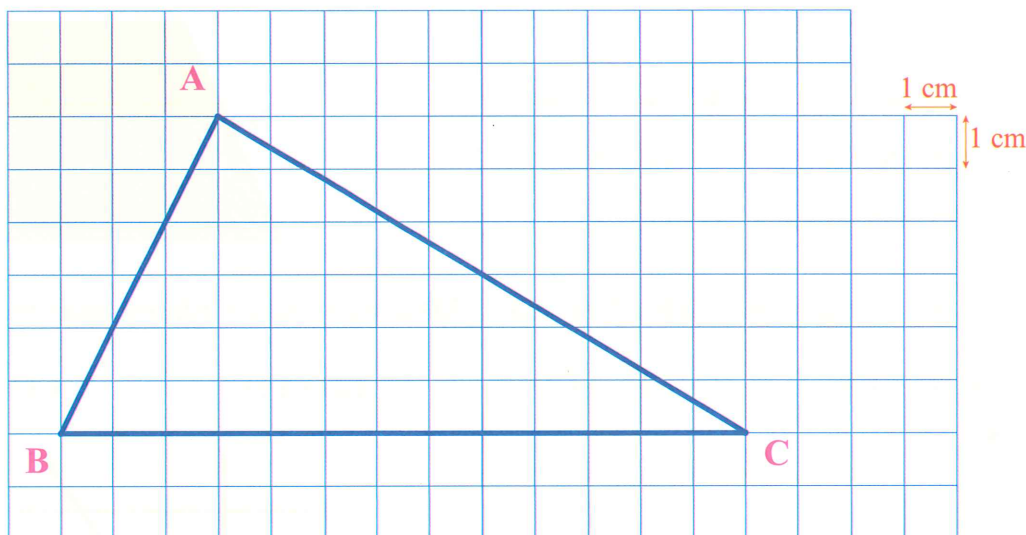
cặp cạnh vuông góc với nhau.



cặp cạnh song song với nhau.



★ ★ ★
Bài 3 Cho hình tam giác ABC:



- a. • Qua đỉnh A vẽ đường thẳng AD song song với BC.
• Qua điểm A vẽ đường thẳng AE cắt BC và vuông góc với BC tại H.
• Qua điểm C vẽ đường thẳng CG cắt AD và vuông góc với AD tại I.

b. Trong hình tứ giác AICH có:

• Các cặp cạnh vuông góc với nhau là:

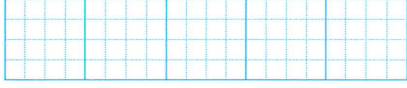
• Các cặp cạnh song song với nhau là:

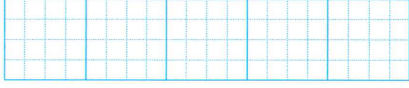
c. Chu vi của hình tứ giác AICH là

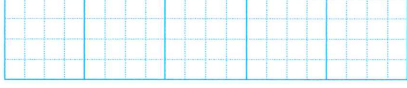
Diện tích của hình tứ giác AICH là



• Số "Bảy mươi triệu" có  chữ số, trong đó có  chữ số 0.

• Số  gồm 5 trăm triệu 7 triệu 9 chục nghìn 8 chục.

• Làm tròn số 673 452 800 đến hàng chục nghìn ta được .

• Trong số 752 183 694, chữ số 5 có giá trị là .

★ Bài 2 Cho các số sau:

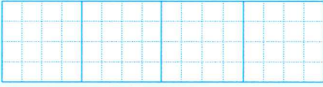
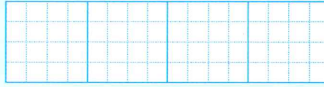
62 378 600

6 282 500

62 359 000

62 092 800

a. Trong các số trên:

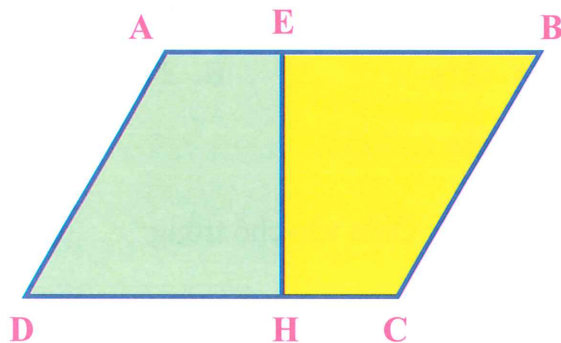
Số lớn nhất là  và số nhỏ nhất là .

b. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn:



★ Bài 3 Dùng thước đo góc để đo và hoàn thành bảng dưới đây:

Góc	Số đo góc	Loại góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AD		
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC		
Góc đỉnh H; cạnh HD, HC		
Góc đỉnh E; cạnh EB, EH		





A 3D diagram of a triangular prism. The top face is a yellow parallelogram with vertices M (top-left), N (top-right), and O (far-right). The bottom face is a blue parallelogram with vertices Q (bottom-left), P (bottom-right), and S (middle-right). The side face is a green triangle with vertices M, Q, and S. The edges connecting the top and bottom faces are MN, NO, OS, PS, and SQ.



Bài giải

[illegible]



- Số

 gồm 2 chục triệu 7 triệu 1 nghìn 8 chục 5 đơn vị.
- Làm tròn số 152 850 752 đến hàng nghìn ta được

.
- Từ năm

 đến năm

 là thế kỉ X.
- Trong số 7 125 694, chữ số 2 có giá trị là

.

★ ★
Bài 2 Cho các số sau:

1 225 827

1 350 125

1 251 715

1 305 987

- Trong các số trên:

Số lớn nhất là

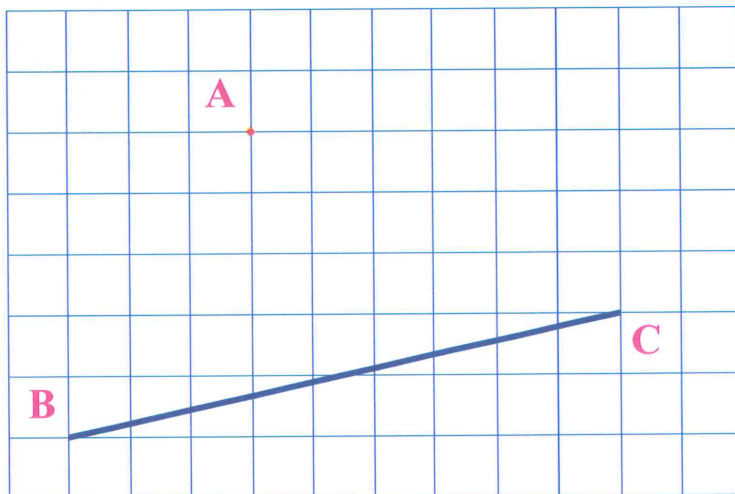
 và số nhỏ nhất là

.

- Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé:

★ ★
Bài 3 Cho điểm A và đường thẳng BC như hình vẽ dưới đây:

- Qua điểm A vẽ đường thẳng AD song song với BC.
- Qua điểm A vẽ đường thẳng AE vuông góc với BC.



8 tấn =

 kg

7 tạ =

 yến

6 yến =

 kg

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Chị Tâm là nhân viên của một cửa hàng trà sữa. Trong 5 phút, chị đã làm xong 3 cốc trà sữa cho đơn hàng thứ nhất. Đơn hàng thứ hai có 5 cốc trà sữa. Hỏi chị Tâm có thể hoàn thành đơn hàng thứ hai trong bao nhiêu giây? (Biết thời gian chị làm mỗi cốc trà sữa là như nhau.)



Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin blue horizontal and vertical lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Tổng của 178 203 và 260 957 là:
 A. 339 160 B. 439 160 C. 339 150 D. 439 150
- Câu 2** Kết quả của phép tính $453\,261 - 182\,745$ là:
 A. 270 526 B. 370 516 C. 270 516 D. 370 526
- Câu 3** Giá trị của biểu thức $183\,117 + 52\,905 - 91\,004$ là:
 A. 236 022 B. 145 018 C. 245 018 D. 145 028
- Câu 4** Biểu thức có giá trị lớn nhất là:
 A. $180\,000 + 20\,000 + 150\,000$ B. $180\,000 + 20\,000 - 150\,000$
 C. $180\,000 + (150\,000 - 20\,000)$ D. $180\,000 - 20\,000 - 150\,000$
- Câu 5** Bác Tâm làm nghề nuôi tôm sú. Năm ngoái, bác thu hoạch được 116 310 kg tôm sú. Năm nay, bác chỉ thu hoạch được 91 160 kg tôm sú. Vậy so với năm ngoái, sản lượng tôm sú năm nay đã giảm đi là:
 A. 25 150 kg B. 125 150 kg C. 25 250 kg D. 207 470 kg
- Câu 6** Mẹ vào siêu thị mua một ít trái cây và rau xanh. Mẹ mua táo hết 90 000 đồng và mua rau hết 70 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng 200 000 đồng. Vậy người bán hàng phải trả lại mẹ số tiền là:
 A. 110 000 đồng B. 140 000 đồng C. 160 000 đồng D. 40 000 đồng



II. Phần tự luận.

★ **Bài 1** Tính:

$$\begin{array}{r} 283\ 164 \\ + \\ 175\ 908 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 417\ 058 \\ + \\ 26\ 470 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 817\ 264 \\ - \\ 534\ 725 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 153\ 621 \\ - \\ 38\ 160 \\ \hline \end{array}$$

★ **Bài 2** Đặt tính rồi tính:

$$95\ 274 + 462\ 918$$

$$518\ 052 + 16\ 794$$

$$164\ 177 + 6\ 352$$

$$348\ 255 - 263\ 419$$

$$214\ 635 - 32\ 719$$

$$415\ 352 - 4\ 503$$

★ **Bài 3** Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$$361\ 905 + 42\ 318 - 13\ 715$$

$$268\ 154 - (148\ 217 + 37\ 492)$$

$$140\ 000 + (260\ 000 - 60\ 000)$$

$$190\ 000 - 40\ 000 + 50\ 000$$



Bài 4

Tháng trước, nông trại của cô Hiền bán được 152 670 quả trứng gà. Tháng này, nông trại bán được ít hơn tháng trước 43 380 quả trứng gà. Hỏi cả hai tháng nông trại của cô Hiền bán được bao nhiêu quả trứng gà?

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 5

Cô Phương mua một quả dưa vàng và một quả dưa hấu. Quả dưa vàng có giá 92 000 đồng. Quả dưa hấu rẻ hơn quả dưa vàng 18 000 đồng. Hỏi cô Phương phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

A. 31

B. 551

C. 520

D. 510

$$31 + 520 = \boxed{?} + 31$$

Câu 2 Số?

A. 118

B. 131

C. 124

D. 119

$$125 + 134 + 118 = \boxed{?} + (125 + 134)$$

Câu 3 Cách tính thuận tiện nhất để tính giá trị biểu thức $34 + 8 + 6 + 32$ là:

A.

$$34 + 8 + 6 + 32$$

$$= 42 + 6 + 32$$

$$= 48 + 32$$

$$= 80$$

B.

$$34 + 8 + 6 + 32$$

$$= (34 + 32) + (8 + 6)$$

$$= 66 + 14$$

$$= 80$$

C.

$$34 + 8 + 6 + 32$$

$$= (34 + 8) + (6 + 32)$$

$$= 42 + 38$$

$$= 80$$

D.

$$34 + 8 + 6 + 32$$

$$= (34 + 6) + (8 + 32)$$

$$= 40 + 40$$

$$= 80$$

Câu 4 Mẹ mua cho Hà mua một số đồ dùng với giá tiền như hoá đơn bên. Vậy tổng số tiền mẹ Hà cần thanh toán là:

A. 200 000 đồng

B. 300 000 đồng

C. 400 000 đồng

D. 500 000 đồng

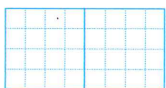
HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG

1. Dép lê	120 000 đồng
2. Hộp bút	32 000 đồng
3. Hộp bút màu	80 000 đồng
4. Cặp sách	168 000 đồng

Tổng ? đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?



$$+ 14 = 14 + 617$$



$$198 + 350 = \boxed{} + 198$$





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số trung bình cộng của 25 và 45 là:
- A. 30 B. 35 C. 40 D. 45
- Câu 2** Nhóm số nào dưới đây có số trung bình cộng là 55?
- A. 65 và 45 B. 15, 55 và 70
- C. 46, 74, 30 và 10 D. 30, 60, 31, 20 và 19
- Câu 3** Tú cao 147 cm, Minh cao 125 cm, Bình cao 145 cm và Phong cao 143 cm. Vậy chiều cao trung bình của mỗi bạn là:
- A. 140 cm B. 135 cm C. 145 cm D. 130 cm
- Câu 4** Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 2 tạ gạo, ngày thứ 2 bán được 15 yến gạo, ngày thứ 3 bán được 1 tạ 30 kg gạo. Vậy trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:
- A. 120 kg B. 130 kg C. 140 kg D. 160 kg
- Câu 5** Lớp 4A có 35 học sinh, lớp 4B có 31 học sinh, lớp 4C có 36 học sinh, lớp 4D có 34 học sinh. Vậy trung bình mỗi lớp có số học sinh là:
- A. 26 học sinh B. 34 học sinh C. 33 học sinh D. 32 học sinh

II. Phần tự luận.

- Bài 1** Tìm số trung bình cộng của mỗi nhóm số sau:

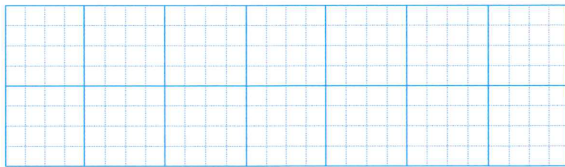
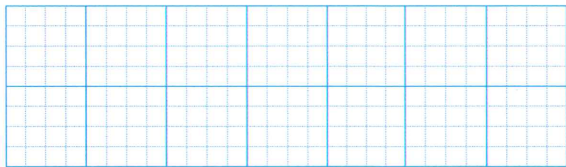
65, 94 và 21

22, 8, 34 và 60



24, 56, 33, 27 và 60

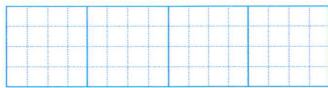
15, 30, 55, 35, 65, 20 và 60



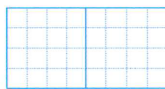
Bài 2 Bảng số liệu dưới đây cho biết số lượng xe máy bán được của một cửa hàng trong một tuần. Hãy quan sát và điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Ngày	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật
Số xe máy bán được (chiếc)	12	17	15	14	23	26	19

a. Cửa hàng bán được nhiều xe máy nhất vào ngày



b. Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được



chiếc xe máy.

Bài 3 Nhìn vào biểu đồ và điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng áo một cửa hàng bán được trong 4 tuần.

Tuần 1	        
Tuần 2	      
Tuần 3	       
Tuần 4	     
Mỗi kí hiệu  biểu thị cho 20 cái áo.	



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Tổng hai số bằng **60** và hiệu của chúng bằng **30**. Vậy hai số đó là:
A. 50 và 10 **B.** 45 và 15 **C.** 30 và 30 **D.** 35 và 25
- Câu 2** Tổng số học sinh lớp 4A và lớp 4B là 74 học sinh. Lớp 4A có nhiều hơn lớp 4B 2 học sinh. Vậy lớp 4A có số học sinh là:
A. 38 học sinh **B.** 36 học sinh **C.** 34 học sinh **D.** 32 học sinh
- Câu 3** Hà mua một quyển sách và một chiếc bút chì hết 51 000 đồng. Quyển sách có giá cao hơn chiếc bút chì là 35 000 đồng. Vậy chiếc bút chì có giá là:
A. 43 000 đồng **B.** 18 000 đồng **C.** 16 000 đồng **D.** 8 000 đồng
- Câu 4** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 46 m, chiều dài hơn chiều rộng là 9 m. Vậy chiều dài của mảnh vườn đó là:
A. 6 m **B.** 7 m **C.** 15 m **D.** 16 m
- Câu 5** Chiều cao trung bình của An và Bình là 145 cm. An thấp hơn Bình 10 cm. Vậy chiều cao của An là:
A. 140 cm **B.** 150 cm **C.** 135 cm **D.** 155 cm

II. Phần tự luận.

- Bài 1** Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Tổng	37	158	710	1 706	38 000																																																																															
Hiệu	21	36	250	414	16 000																																																																															
Số lớn	<table><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>																<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																					<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																					<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																									
Số bé	<table><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table>																<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																					<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																					<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																									

Bài 2

Hôm nay cửa hàng của cô Tâm bán được 450 quả dừa, số quả dừa loại to bán được ít hơn số quả dừa loại nhỏ là 150 quả. Hỏi cửa hàng của cô Tâm bán được bao nhiêu quả dừa mỗi loại?

Bài giải

**Bài 3**

Cả hai vụ mùa, gia đình chú Ba thu hoạch được 6 tấn 2 tạ thóc. Vụ mùa trước gia đình chú thu hoạch được ít hơn vụ mùa này 200 kg thóc. Hỏi mỗi vụ mùa gia đình chú Ba thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải



Bài 4

Cô Hiền mua một cốc nước mía và một cốc sinh tố xoài hết 45 000 đồng. Giá của cốc nước mía thấp hơn giá của cốc sinh tố xoài là 25 000 đồng. Hỏi mỗi loại nước uống có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

[illegible]

Bài 5

Trong tháng 1 và tháng 2, trung bình mỗi tháng cửa hàng bán được 2 500 quyển sách. Số sách bán được trong tháng 1 nhiều hơn tháng 2 là 400 quyển.

a. Hỏi trong tháng 1 cửa hàng bán được bao nhiêu quyển sách?

Bài giải

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares, with larger squares formed by thicker lines every 10 units horizontally and vertically. There are no margins or text on the page.

b. Hỏi trong tháng 2 cửa hàng bán được bao nhiêu quyển sách?

Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số trung bình cộng của 125, 115, 160 và 120 là:
 A. 120 B. 130 C. 140 D. 150
- Câu 2** Tổng của hai số bằng 320 và hiệu của hai số bằng 40. Hai số đó là:
 A. 180 và 140 B. 190 và 150 C. 170 và 130 D. 200 và 120
- Câu 3** Hà vừa nhận được kết quả thi giữa kì. Môn Toán Hà được 8 điểm, môn Tiếng Việt được 9 điểm và môn Tiếng Anh được 10 điểm. Vậy trung bình mỗi môn học Hà thi được số điểm là:
 A. 7 điểm B. 8 điểm C. 9 điểm D. 10 điểm
- Câu 4** Trong 4 ngày gần đây, một trung tâm y tế nhận được số cuộc gọi là 75, 95, 88 và 102. Vậy trung bình mỗi ngày trung tâm y tế nhận được số cuộc gọi là:
 A. 60 cuộc gọi B. 70 cuộc gọi C. 80 cuộc gọi D. 90 cuộc gọi
- Câu 5** Hôm qua và hôm nay, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được 1 tạ 20 kg gạo. Hôm qua cửa hàng bán được ít hơn hôm nay 20 kg gạo. Vậy hôm nay cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:
 A. 110 kg B. 120 kg C. 130 kg D. 140 kg

II. Phần tự luận.

Bài 1 Điền vào chỗ trống:

Tổng của hai số	Hiệu của hai số	Số lớn	Số bé																																
350	70	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																
2 663	807	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																	<table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																



Bài 2

An illustration of three young boys running on a reddish-brown track. The boy on the left is wearing a red tank top and blue shorts, with a green headband. The boy in the middle is wearing a blue t-shirt and blue shorts. The boy on the right is wearing an orange t-shirt and green shorts. They are all smiling and running towards the right. The track has white lane markings, including the numbers '3' and '2' in the foreground. The background is a green field.

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 3

A colorful illustration of a city skyline. It features several stylized buildings in shades of blue, orange, and yellow. The buildings have multiple windows, some of which are lit up. In the foreground, there are two green trees with rounded canopies. The background is a solid light blue color.

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares, approximately 10 units wide by 10 units high. There are no margins or additional markings on the page.

Bài 4

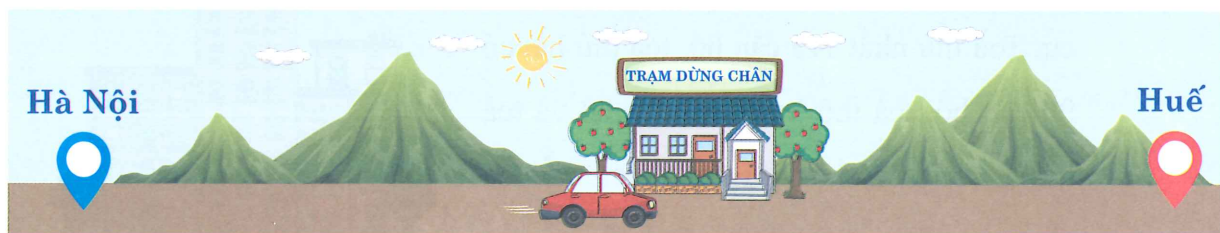
Năm học này, tất cả 37 học sinh của lớp 4A đều đạt danh hiệu học sinh khá và giỏi. Số học sinh giỏi của lớp ít hơn số học sinh khá là 13 em. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh giỏi và bao nhiêu học sinh khá?

Bài giải

[illegible]

Bài 5

Trên quãng đường từ Hà Nội đến Huế dài 665 km, bác Tâm dừng xe lại ở một trạm dừng chân để nghỉ ngơi. Khoảng cách từ Hà Nội đến trạm dừng chân dài hơn khoảng cách từ trạm dừng chân đến Huế là 115 km. Hỏi bác Tâm đã đi được bao nhiêu ki-lô-mét và còn cách Huế bao nhiêu ki-lô-mét?



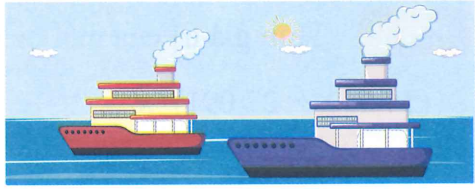
Bài giải

A full-page sheet of white graph paper featuring a uniform grid of light blue squares. The grid consists of 20 columns and 15 rows, creating a total of 300 small square units. The lines are thin and evenly spaced, typical of standard graph paper used for mathematics or engineering.



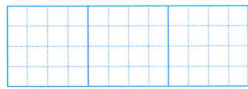
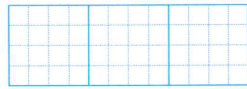
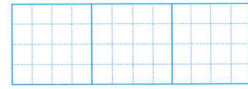
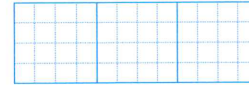
I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Tích của **161 305** và **4** là:
 A. 645 200 B. 445 200 C. 645 220 D. 645 200
- Câu 2** Gấp số **251 726** lên **3** lần ta được:
 A. 653 168 B. 753 168 C. 653 178 D. 755 178
- Câu 3** Giá trị của biểu thức $(280\,000 + 170\,000) \times 2$ là:
 A. 700 000 B. 800 000 C. 900 000 D. 1 000 000
- Câu 4** Tàu thứ nhất chở 250 000 l dầu, số lít dầu tàu thứ hai chở gấp 3 lần tàu thứ nhất. Vậy cả hai tàu chở được số lít dầu là:

 A. 750 000 l B. 1 000 000 l C. 650 000 l D. 900 000 l
- Câu 5** Mẹ đi chợ mua 4 kg cam, mỗi ki-lô-gam có giá 35 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng 200 000 đồng. Vậy người bán hàng phải trả lại mẹ số tiền là:
 A. 60 000 đồng B. 70 000 đồng C. 80 000 đồng D. 50 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$\begin{array}{r} 107\,150 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 251\,408 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 32\,417 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 118\,135 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$
			

Bài 2 Đặt tính rồi tính:



$$19\,082 \times 4$$

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are 10 columns and 8 rows of squares. A thicker blue line runs vertically down the center, dividing the grid into two equal halves of 5 columns each. Another thicker blue line runs horizontally across the middle, dividing the grid into two equal halves of 4 rows each. This creates four quadrants, each measuring 5 columns by 4 rows of small squares.

$3\,180 \times 5$

[illegible]

$$61\,308 \times 7$$

[illegible]

$$161\,527 \times 3$$

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of 10 columns and 10 rows of small squares, defined by thin blue lines. There are also thicker blue lines forming a larger grid of 2x2 blocks of the smaller squares.

$$415\,286 \times 2$$

[illegible]

$$218\,619 \times 4$$

[illegible]

Bài 3

Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$$(34\,650 + 27\,091) \times 2$$

$$900\,000 - 160\,000 \times 5$$

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are three horizontal lines near the top edge, creating a header area. On the left side, there are three vertical lines, creating a margin area. The rest of the page is filled with the grid pattern.

$$90\,514 \times 5 + 161\,508 \times 3$$

[illegible]

$$50\,000 \times (6 : 2) \times 4$$

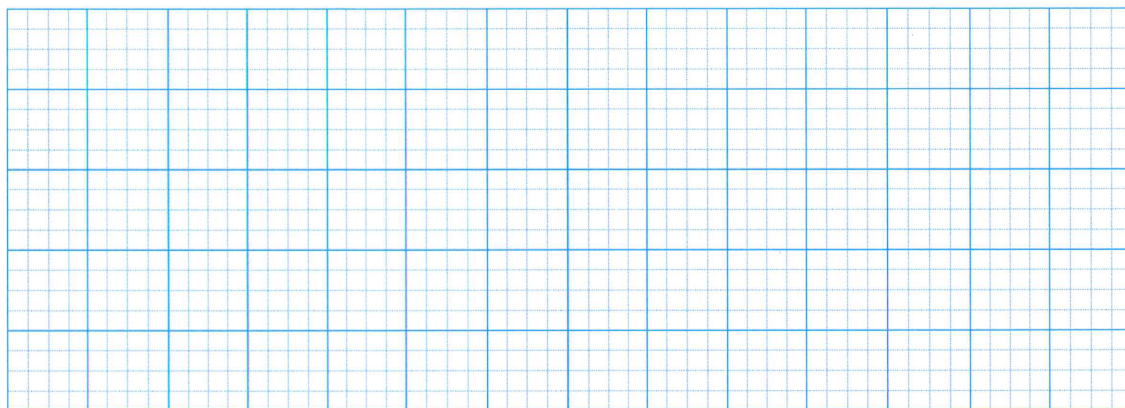
[illegible]

Bài 4

Trung bình mỗi ngày trang trại của anh Sơn bán được khoảng 5 000 hộp trứng, mỗi hộp có 6 quả trứng. Hỏi trung bình mỗi tuần trang trại của anh Sơn bán được bao nhiêu quả trứng?

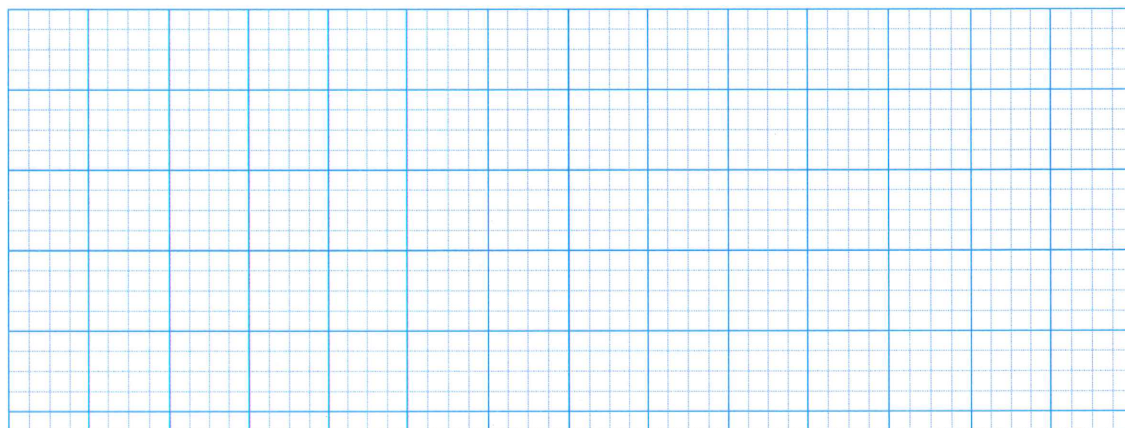
Bài giải

[illegible]



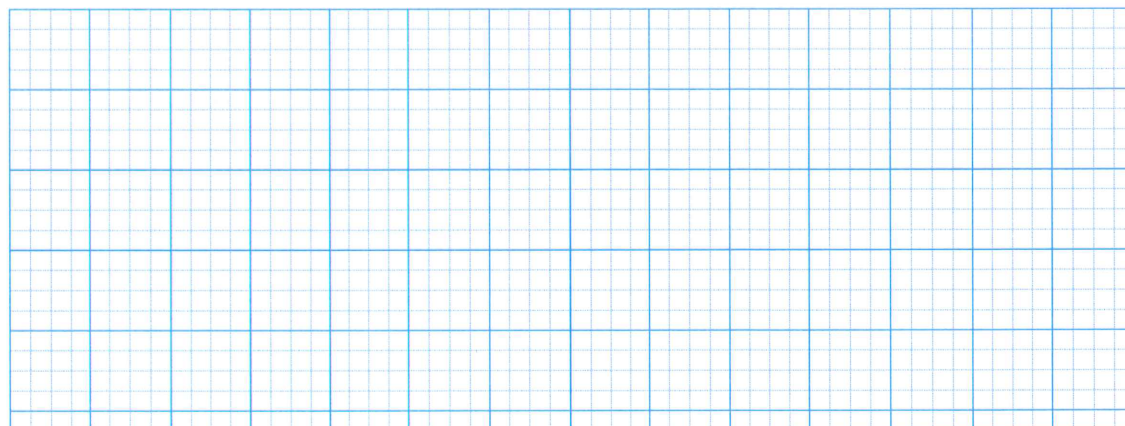
- ★ ★
Bài 5 Tháng trước cửa hàng bán được 76 180 l xăng, tháng này số lít xăng bán được gấp đôi tháng trước. Hỏi cả hai tháng cửa hàng bán được bao nhiêu lít xăng?

Bài giải



- ★ ★ ★
Bài 6 Mẹ đặt mua 3 thùng giấy ăn trên một trang thương mại điện tử, mỗi thùng có giá 190 000 đồng. Tiền phí vận chuyển là 35 000 đồng. Hỏi khi nhận hàng mẹ cần thanh toán bao nhiêu tiền?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính 35×24 là:

- A. 840 B. 720 C. 820 D. 740

Câu 2 Biết thương là 42, số chia là 28, số bị chia là:

- A. 1 586 B. 1 176 C. 1 596 D. 1 166

Câu 3 Phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. 215×43 B. 86×52 C. 351×18 D. 426×23

Câu 4 Số?

- A. 3 000 B. 3 200
C. 3 500 D. 3 600

1 giờ = giây

Câu 5 Một tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài là 80 cm. Chiều dài hơn chiều rộng là 55 cm. Vậy diện tích của tấm gỗ đó là:

- A. $4\,400\text{ cm}^2$ B. $2\,000\text{ cm}^2$ C. $2\,800\text{ cm}^2$ D. $2\,400\text{ cm}^2$

Câu 6 Trong 4 ngày, một phân xưởng lắp ráp được 208 chiếc ti vi. Vậy trong 25 ngày, phân xưởng đó lắp ráp được số chiếc ti vi là:

- A. 52 chiếc B. 1 200 chiếc C. 1 300 chiếc D. 5 200 chiếc

Câu 7 Bác Tư rót số mật ong thu hoạch được vừa đầy 1 can 5 l và 20 chai, mỗi chai chứa 650 ml mật ong. Vậy bác Tư thu hoạch được số lít mật ong là:

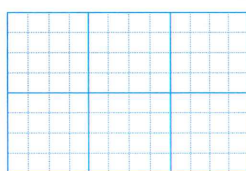
- A. 18 l B. 12 l C. 13 l D. 10 l

II. Phần tự luận.

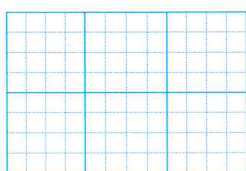
Bài 1 Tính:



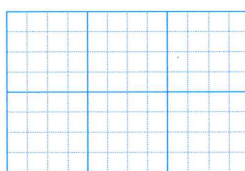
$$\begin{array}{r} 75 \\ \times \\ 13 \\ \hline \end{array}$$



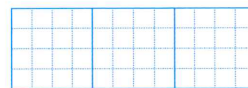
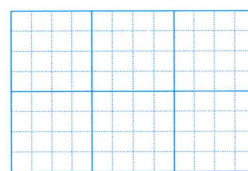
$$\begin{array}{r} 26 \\ \times \\ 63 \\ \hline \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 251 \\ \times \\ 45 \\ \hline \end{array}$$

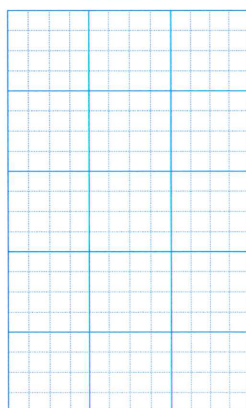


$$\begin{array}{r} 162 \\ \times \\ 32 \\ \hline \end{array}$$

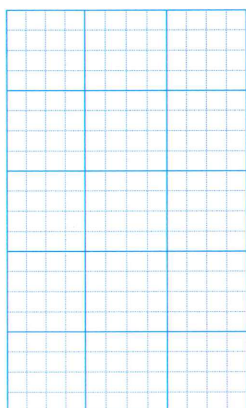


★ **Bài 2** Đặt tính rồi tính:

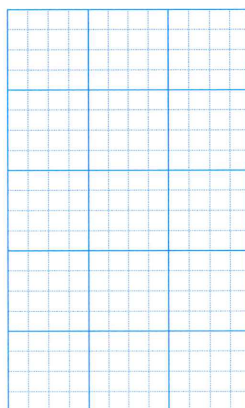
$$51 \times 62$$



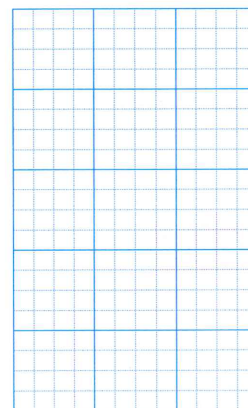
$$82 \times 17$$



$$312 \times 67$$

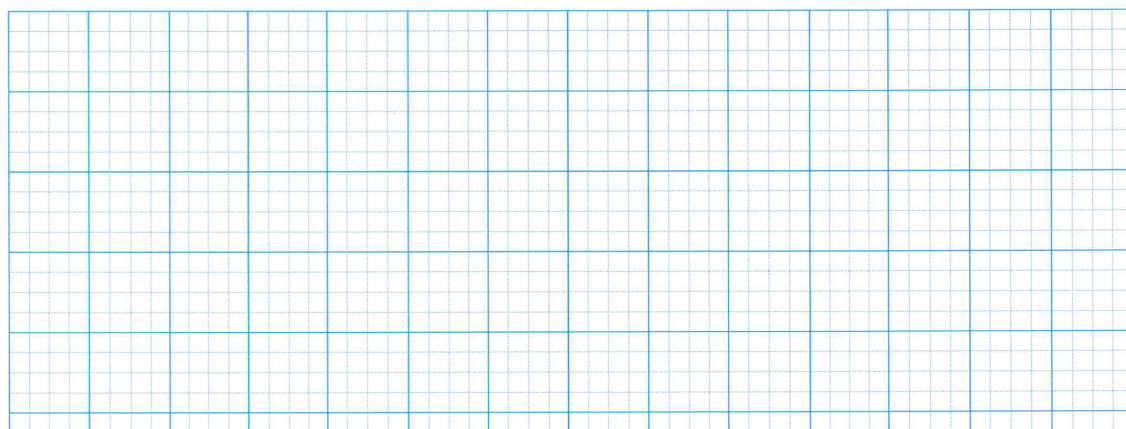


$$181 \times 25$$



★ ★ **Bài 3** Một tấm bìa hình vuông có chu vi là 64 cm. Tính diện tích của tấm bìa đó.

Bài giải



Bài 4

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 5

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares. There are 20 columns and 15 rows of squares. A thicker blue line runs vertically between the 8th and 9th columns, acting as a margin. Another thicker blue line runs horizontally between the 7th and 8th rows, also acting as a margin. These two lines intersect at the center of the page.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tích của 18 203 và 23 là:

- A. 318 669 B. 218 669 C. 418 689 D. 418 669

Câu 2 Phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. 714×53 B. 56×35 C. $1\,251 \times 12$ D. 812×11

Câu 3 Một phòng chiếu phim có 12 hàng ghế, mỗi hàng có 18 ghế. Vậy phòng chiếu phim đó có số ghế là:

- A. 216 ghế B. 108 ghế C. 106 ghế D. 30 ghế

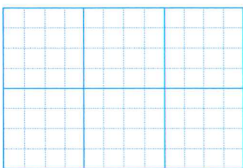
Câu 4 Một khu chung cư có 12 toà chung cư, mỗi toà có 15 tầng để ở và mỗi tầng có 18 căn hộ. Vậy khu chung cư đó có số căn hộ là:

- A. 180 căn hộ B. 216 căn hộ C. 3 240 căn hộ D. 2 640 căn hộ

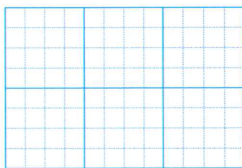
II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

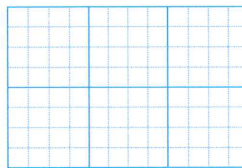
$$\begin{array}{r} 46 \\ \times 18 \\ \hline \end{array}$$



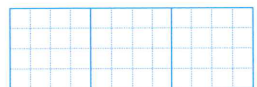
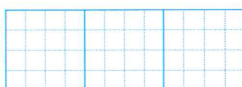
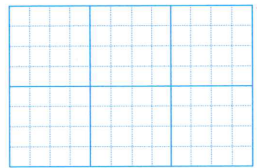
$$\begin{array}{r} 403 \\ \times 37 \\ \hline \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 1\,208 \\ \times 82 \\ \hline \end{array}$$

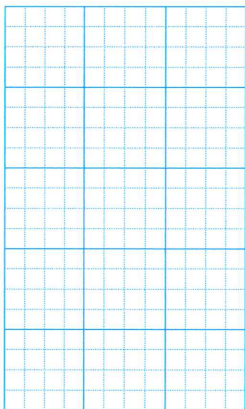


$$\begin{array}{r} 26\,171 \\ \times 14 \\ \hline \end{array}$$

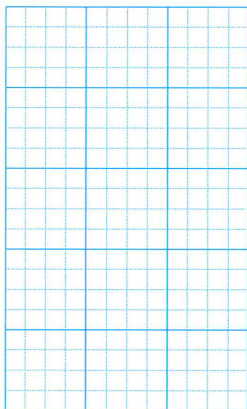


Bài 2 Đặt tính rồi tính:

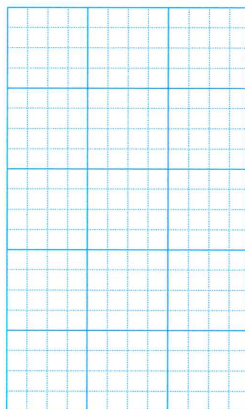
513×45



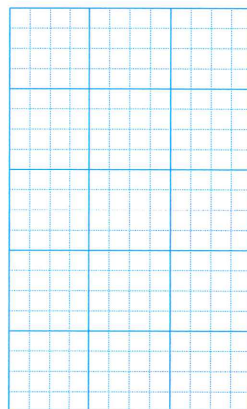
$2\,811 \times 32$



$7\,105 \times 56$



$25\,217 \times 23$



Bài 3

$>$; $<$; $=$?

48×21



17×55

140×36



613×53

$3\,000 \times 30$



$5\,000 \times 20$

$120\,000 \times 4$

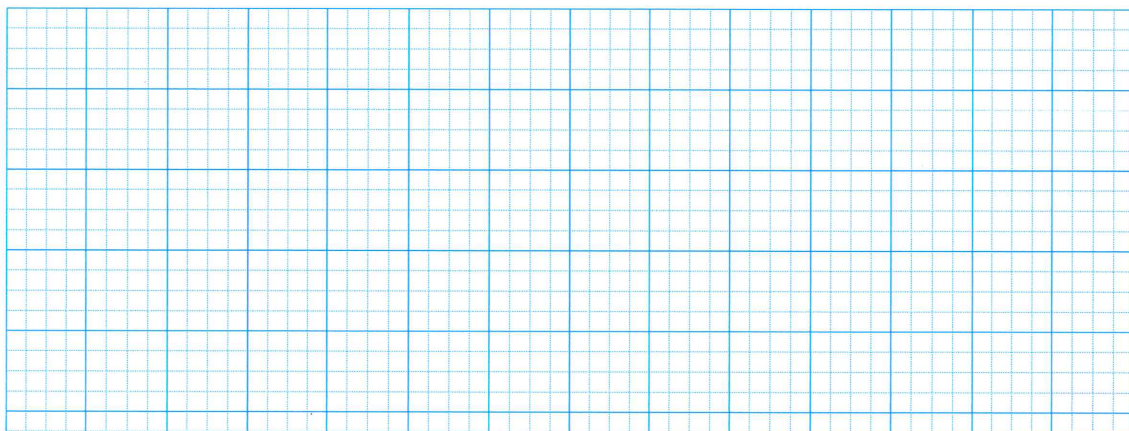


$14\,000 \times 20$

Bài 4

Để lát một căn phòng, người ta sử dụng hết 64 viên gạch men hình vuông có cạnh dài 50 cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? Biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể.

Bài giải



Bài 5

Một cửa hàng đã nhập về 460 bao gạo nếp và 380 bao gạo tẻ. Mỗi bao gạo đều cân nặng 50 kg. Hỏi cửa hàng đã nhập về bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin blue horizontal and vertical lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 6

Hà và Phong cùng nhau đi vào một cửa hàng văn phòng phẩm. Hà mua 4 quyển vở ô li hết 26 000 đồng. Phong mua 15 quyển vở ô li như của Hà. Hỏi Phong phải trả bác bán hàng bao nhiêu tiền?



Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

- A. 26 B. 97
C. 76 D. 15

$$26 \times 97 = 97 \times \boxed{?}$$

Câu 2 Số?

- A. 38 B. 50
C. 25 D. 41

$$50 \times 92 \times 2 = 92 \times (\boxed{?} \times 2)$$

Câu 3 Giá trị của biểu thức $2 \times 750 \times 5$ là:

- A. 7 500 B. 375 C. 1 500 D. 6 500

Câu 4 Mỗi ngày Minh uống 3 hộp sữa, mỗi hộp có 180 ml sữa. Vậy trong 1 tuần lượng sữa Minh uống là:

- A. 2 180 ml B. 2 380 ml C. 3 780 ml D. 3 870 ml

Câu 5 Trên sân thượng nhà mình, bác Tâm dùng các khay nhựa để trồng rau cải. Bác xếp các khay nhựa thành 4 hàng, mỗi hàng 8 khay. Trên mỗi khay, bác trồng 25 cây rau cải. Vậy số cây rau cải bác Tâm trồng trên sân thượng là:

- A. 790 cây B. 470 cây C. 200 cây D. 800 cây

II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

$$20 \times 36 = \boxed{} \times 20$$

$$46 \times 52 = 52 \times \boxed{}$$

$$1\,250 \times \boxed{} = 1\,250$$

$$73 \times \boxed{} = 14 \times 73$$

$$50 \times 28 = \boxed{} \times 28$$

$$1\,250 \times \boxed{} = 0$$



Bài 2 Số?

$$160 \times 2 \times 5 = 160 \times (\square \times 5)$$

$$510 \times 12 \times 20 = (\square \times 510) \times 12$$

$$4 \times 85 \times 25 = (\square \times 4) \times 85$$

$$22 \times 450 \times 8 = 450 \times (\square \times 8)$$

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$4 \times 38 \times 25$$

$$16 \times 7 \times 5$$

$$15 \times 2 \times 6 \times 5$$

$$15 \times 3 \times 4 \times 2$$

Bài 4 Vì sắp tới sẽ có rét đậm rét hại nên cô Hà không thể chăn thả 25 con bò nhà mình. Cô phải tích trữ cỏ vừa đủ cho chúng ăn trong 4 ngày. Mỗi ngày một con bò ăn hết 28 kg cỏ. Hỏi cô Hà phải tích trữ bao nhiêu ki-lô-gam cỏ?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

- A. 100
- B. 56
- C. 44
- D. 10

$$48 \times 56 + 48 \times 44 = 48 \times \boxed{?}$$

Câu 2 Biểu thức nào dưới đây có cùng giá trị với biểu thức $150 \times (5 - 3)$?

- A. $150 \times 5 - 150 \times 3$
- B. $150 - 3 \times 5$
- C. $150 \times 5 \times 3$
- D. $150 \times 5 - 3$

Câu 3 Một chiếc khăn hình chữ nhật có chiều dài là 28 cm, chiều rộng kém chiều dài 18 cm. Vậy diện tích của chiếc khăn đó là:

- A. $28 \times 18 = 504 \text{ (cm}^2\text{)}$
- B. $18 \times (28 - 18) = 180 \text{ (cm}^2\text{)}$
- C. $28 \times 28 - 18 = 766 \text{ (cm}^2\text{)}$
- D. $28 \times (28 - 18) = 280 \text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 4 Mỗi tháng cô Tâm phải trả 120 000 đồng tiền phí giữ xe máy và 70 000 đồng tiền phí giữ xe đạp. Vậy trong 1 năm, cô Tâm phải trả số tiền phí giữ xe là:

- A. $120\,000 + 70\,000 \times 12 = 960\,000 \text{ (đồng)}$
- B. $(120\,000 + 70\,000) \times 12 = 2\,280\,000 \text{ (đồng)}$
- C. $120\,000 \times 12 + 70\,000 = 1\,510\,000 \text{ (đồng)}$
- D. $120\,000 \times 1 + 70\,000 \times 1 = 190\,000 \text{ (đồng)}$

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$65 \times (5 + 7) = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$20 \times (9 + 4) = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$65 \times (12 + 18) = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$25 \times (7 - 3) = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$15 \times (10 - 2) = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$36 \times (65 - 55) = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$



★ **Bài 2** Tính bằng hai cách:

a. $45 \times 6 + 45 \times 4$

Cách 1: $45 \times 6 + 45 \times 4$

Cách 2: $45 \times 6 + 45 \times 4$

b. $215 \times 25 + 215 \times 75$

Cách 1: $205 \times 35 + 205 \times 65$

Cách 2: $205 \times 35 + 205 \times 65$

c. $35 \times 50 - 35 \times 40$

Cách 1: $35 \times 50 - 35 \times 40$

Cách 2: $35 \times 50 - 35 \times 40$

d. $62 \times 75 - 62 \times 65$

Cách 1: $62 \times 75 - 62 \times 65$

Cách 2: $62 \times 75 - 62 \times 65$

Bài 3

$$62 \times 101$$

62×99

$$62 \times 8 + 62 \times 2$$

$$62 \times 8 - 62 \times 2$$

$$62 \times (100 - 1)$$

$$62 \times (100 + 1)$$

$$62 \times (8 - 2)$$

$$62 \times (8 + 2)$$

Bài 4

$$55 \times 79 + 55 \times 21$$

[illegible]

$$652 \times 48 - 652 \times 38$$

[illegible]

Bài 5

Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả tính $107 \times 1\,000$ là:

- A. 1 070 000 B. 107 000 C. 10 700 D. 1 700

Câu 2 Số?

- A. 10 B. 100
C. 1 000 D. 10 000

$$65 \times \boxed{?} = 650\,000$$

Câu 3 Biểu thức nào dưới đây có cùng giá trị với biểu thức 6×400 ?

- A. $6 \times 100 + 300$ B. $3 + 3 \times 400$ C. $6 \times 4 \times 100$ D. $400 \times 10 - 4$

Câu 4 Một cửa hàng nhập về 160 bao gạo, mỗi bao cân nặng 50 kg. Vậy cửa hàng đã nhập về số gạo là:

- A. 8 tấn B. 800 tạ C. 5 000 yến D. 5 000 kg

Câu 5 Mẹ mua cho An 10 quyển vở và 10 cái bút. Mỗi quyển vở có giá 8 500 đồng và mỗi cái bút có giá 6 500 đồng. Vậy mẹ phải thanh toán số tiền là:

- A. 85 000 đồng B. 65 000 đồng C. 150 000 đồng D. 140 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính nhẩm:

$$5 \times 10 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$12 \times 10 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$356 \times 10 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$8 \times 100 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$36 \times 100 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$178 \times 100 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$7 \times 1\,000 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

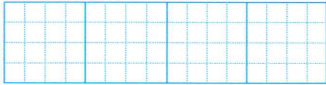
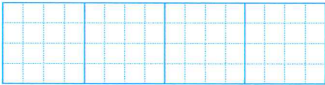
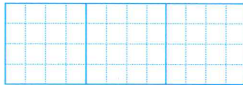
$$73 \times 1\,000 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

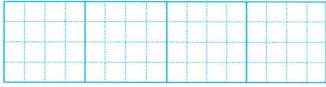
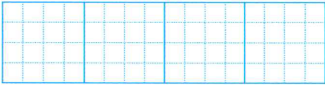
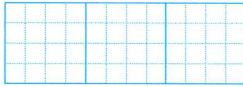
$$213 \times 1\,000 = \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

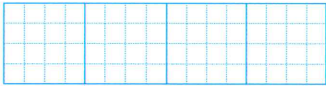
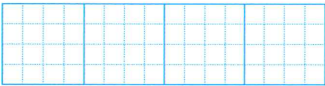
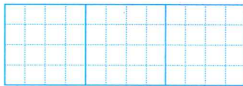
**Bài 2**

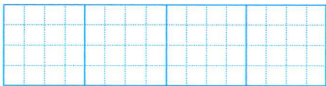
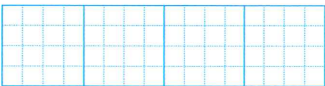
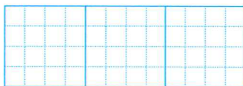
Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm (theo mẫu):

Mẫu: $4 \times 80 = 4 \times 8 \times 10 = 32 \times 10 = 320$

$8 \times 70 =$  $=$  $=$ 

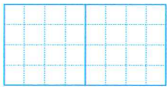
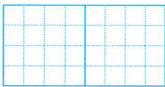
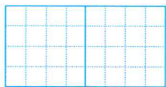
$30 \times 800 =$  $=$  $=$ 

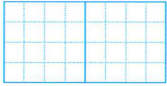
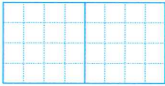
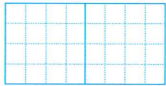
$12 \times 5\,000 =$  $=$  $=$ 

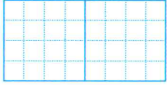
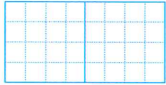
$20 \times 6\,000 =$  $=$  $=$ 

**Bài 3**

Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm:

$30 \times 70 =$  $500 \times 40 =$  $4\,000 \times 70 =$ 

$50 \times 80 =$  $700 \times 30 =$  $2\,000 \times 60 =$ 

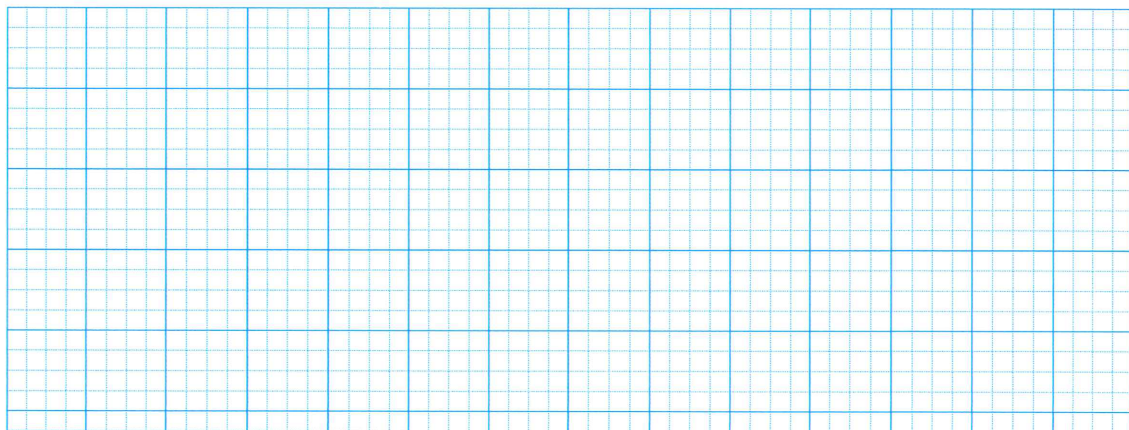
$60 \times 90 =$  $900 \times 20 =$  $8\,000 \times 40 =$ 

**Bài 4**

Cô Tư nuôi 14 con bò sữa. Trung bình mỗi ngày một con bò sữa cho 25 l sữa.

Hỏi một tháng 30 ngày, những con bò của cô Tư cho bao nhiêu lít sữa?

Bài giải






I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Kết quả của phép tính $28 \times 10\,000$ là:
 A. 2 800 000 B. 28 000 C. 280 000 D. 2 800
- Câu 2** Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:
 A. 200×18 B. 88×11 C. 110×33 D. 162×24
- Câu 3** Mỗi buổi sáng, anh Tâm thường chạy 10 vòng quanh hồ. Mỗi vòng quanh hồ dài 450 m. Vậy quãng đường anh Tâm chạy được mỗi buổi sáng là:
 A. 4 500 m B. 4 600 m C. 3 800 m D. 5 200 m
- Câu 4** Một cửa hàng vừa nhập về 35 thùng sách, mỗi thùng có 67 cuốn sách. Vậy cửa hàng đã nhập về số cuốn sách là:
 A. 2 345 cuốn B. 2 145 cuốn C. 2 315 cuốn D. 2 215 cuốn
- Câu 5** Một đoàn tàu hoả có 30 toa. Người ta sử dụng các toa tàu từ toa 20 đến toa 30 để chở hàng, mỗi toa chở 18 tấn hàng. Vậy đoàn tàu chở tất cả số tấn hàng là:
 A. 180 tấn B. 198 tấn C. 540 tấn D. 360 tấn

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính nhẩm:

$17 \times 10 =$

$936 \times 10 =$

$129 \times 10 =$

$52 \times 100 =$

$650 \times 100 =$

$372 \times 100 =$

$12 \times 1\,000 =$

$713 \times 1\,000 =$

$516 \times 1\,000 =$

★ **Bài 2** Đặt tính rồi tính:

28×24

227×31

161×26

$1\,205 \times 18$

★ ★ **Bài 3** Tính nhẩm:

$62 \times 11 =$

$52 \times 11 =$

$76 \times 11 =$

$43 \times 11 =$

$71 \times 11 =$

$29 \times 11 =$

$23 \times 11 =$

$38 \times 11 =$

$84 \times 11 =$

★ ★ **Bài 4** Hiền và Mai cùng vào một cửa hàng văn phòng phẩm. Hiền mua 9 quyển vở ô li, Mai mua 20 quyển vở ô li cùng loại với của Hiền. Mỗi quyển có giá 8 500 đồng. Hỏi Mai phải trả người bán hàng nhiều hơn Hiền bao nhiêu tiền?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $184\ 245 : 3$ là:

- A. 61 315 B. 61 415 C. 51 315 D. 51 415

Câu 2 20 000 là thương của phép chia nào dưới đây?

- A. $50\ 000 : 5$ B. $60\ 000 : 2$ C. $80\ 000 : 4$ D. $15\ 000 : 3$

Câu 3 Phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $325\ 296 : 4$ B. $563\ 521 : 7$ C. $143\ 250 : 2$ D. $907\ 520 : 5$

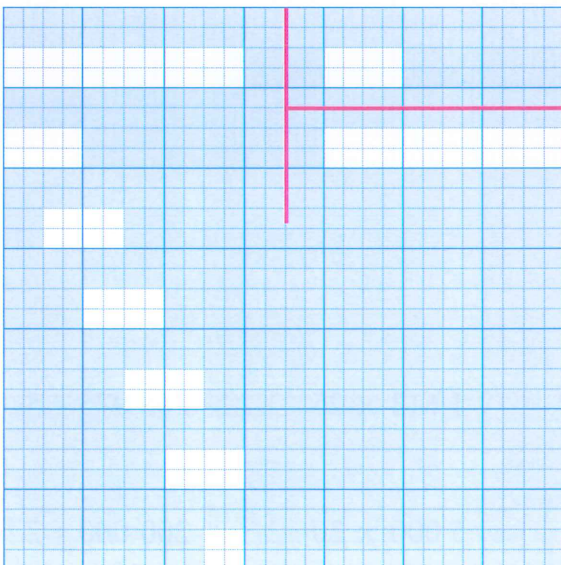
Câu 4 Cả gia đình Hà ăn 4 bát phở bò và 1 bát phở gà hết tất cả 170 000 đồng. Bát phở gà có giá 30 000 đồng. Vậy mỗi bát phở bò có giá là:

- A. 25 000 đồng B. 35 000 đồng C. 40 000 đồng D. 45 000 đồng

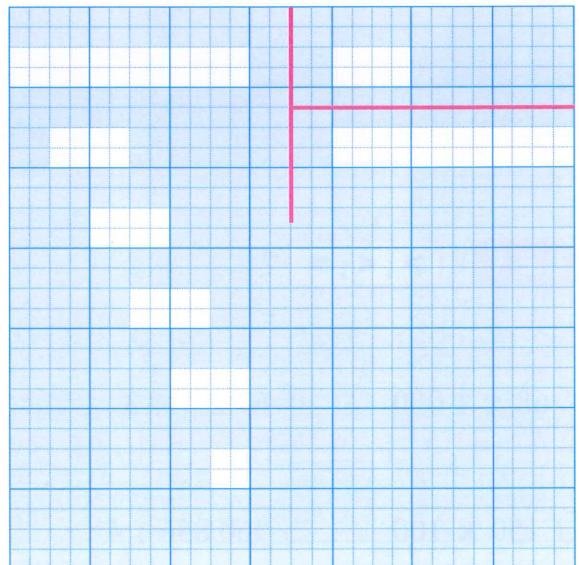
II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$645\ 296 : 4$$



$$125\ 718 : 3$$



Bài 2 Đặt tính rồi tính:

Đặt tính rồi tính:

$$453\,789 : 3$$

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

$$385\,490 : 2$$

[illegible]

$$168\,724 : 4$$

A full-page sheet of white graph paper featuring a light blue grid pattern. The grid consists of small squares, with thicker lines forming a larger grid structure across the page. There are no margins or additional markings on the paper.

$$367\ 886 : 6$$

[illegible]

Bài 3 $> ; < ; =$?

$$> ; < ; = ?$$

$$68 \times 1\,000$$

$$67\,257 : 3$$

$$1\,613 \times 25$$

208 075 : 5

$$1\,150 \times 100$$

$$460\ 856 : 4$$

$$5\,000 \times 20$$



$$200\,000 : 2$$



Bài 4

Một xưởng bánh làm được 122 880 chiếc bánh trung thu. Những chiếc bánh này được đóng vào các hộp, mỗi hộp 4 chiếc. Những hộp bánh sau đó lại được đóng vào các thùng, mỗi thùng 6 hộp. Hỏi xưởng bánh đó đóng được bao nhiêu thùng bánh?

Bài giải

[illegible]

Bài 5

Cô Tâm mang 200 000 đồng đi mua trái cây. Sau khi mua 3 kg táo thì cô còn lại 5 000 đồng. Hỏi mỗi ki-lô-gam táo có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of thin, light blue horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Thương của 320 000 và 1 000 là:

- A. 32 000 B. 3 200 C. 320 D. 32

Câu 2 Phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. 50 000 : 100 B. 18 000 : 20 C. 16 000 : 40 D. 35 000 : 50

Câu 3 Số?

- A. 6 B. 60
C. 3 D. 30

1 800 giây = ? phút

Câu 4 Gần nhà anh Sơn có một hồ nước. Sáng nay, anh chạy 10 vòng quanh hồ được 4 500 m. Vậy 1 vòng quanh hồ dài số mét là:

- A. 400 m B. 450 m C. 500 m D. 550 m

Câu 5 Hiền mua 20 quyển vở và 1 hộp bút hết tất cả 195 000 đồng. Hộp bút có giá 35 000 đồng. Vậy mỗi quyển vở Hiền mua có giá là:

- A. 8 000 đồng B. 7 000 đồng C. 6 500 đồng D. 9 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính nhẩm:

$$9\,000 : 10 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$76\,000 : 10 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$12\,000 : 10 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$9\,000 : 100 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$76\,000 : 100 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$65\,000 : 100 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$9\,000 : 1\,000 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$76\,000 : 1\,000 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$85\,000 : 1\,000 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline & & & & \\ \hline \end{array}$$



Bài 2 Tính nhẩm:

$270 : 30 =$ 

$4\,800 : 60 =$ 

$72\,000 : 90 =$ 

$320 : 40 =$ 

$3\,000 : 50 =$ 

$24\,000 : 80 =$ 

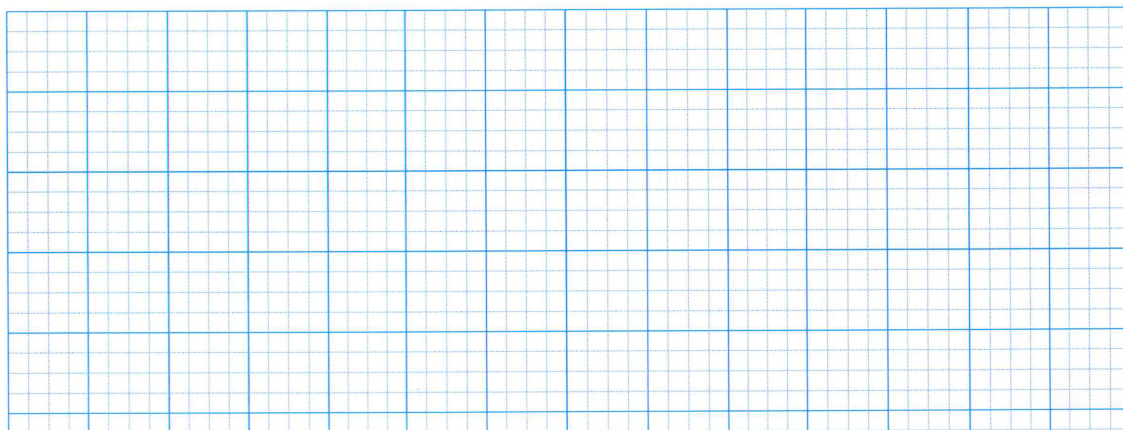
$280 : 70 =$ 

$1\,400 : 20 =$ 

$36\,000 : 40 =$ 

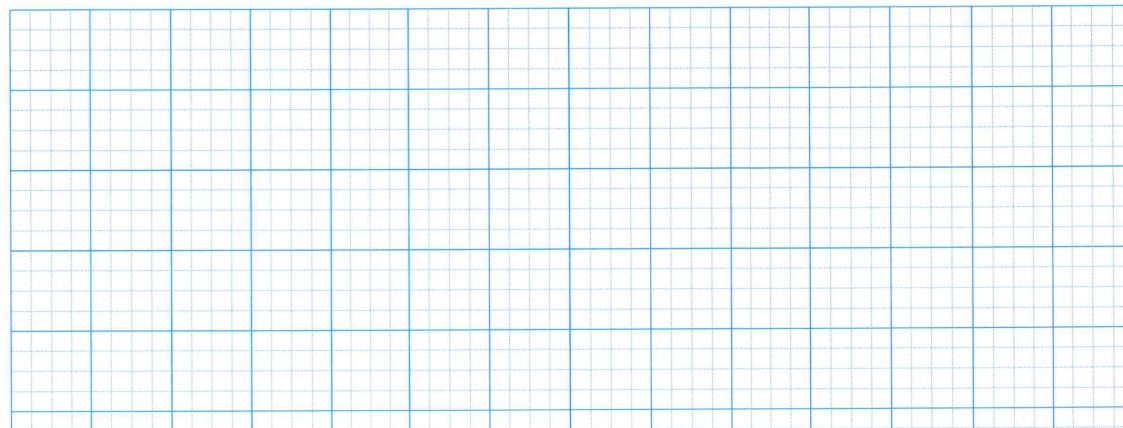
Bài 3 Buổi sáng cửa hàng nhập về 25 bao gạo, buổi chiều nhập về 6 500 kg gạo. Hỏi cửa hàng đã nhập về bao nhiêu bao gạo? Biết mỗi bao gạo cân nặng 100 kg.

Bài giải



Bài 4 Hôm nay, cửa hàng văn phòng phẩm có chương trình giảm giá. Giá của mỗi chiếc bút chì đã giảm đi 2 lần so với ngày thường. Hà mua 30 chiếc bút chì hết 120 000 đồng. Hỏi ngày thường mỗi chiếc bút chì có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

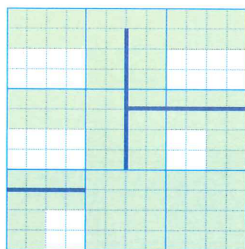
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Kết quả của phép chia $98 : 32$ là:
 A. 3 B. 2 C. 3 dư 2 D. 4 dư 1
- Câu 2** Biết số bị chia là 72, thương là 12, vậy số chia là:
 A. 6 B. 5 C. 8 D. 7
- Câu 3** Bác sĩ đưa cho bác Tâm một hộp thuốc có 84 viên thuốc, vừa đủ cho bác uống trong 2 tuần. Vậy mỗi ngày bác Tâm phải uống số viên thuốc là:
 A. 5 viên B. 4 viên C. 6 viên D. 7 viên
- Câu 4** Một tấm bìa hình chữ nhật dài 15 cm và có diện tích là 90 cm^2 . Vậy chu vi của tấm bìa đó là:
 A. 21 cm B. 42 cm C. 28 cm D. 36 cm
- Câu 5** Chị Hiền mua 13 hộp bánh được 52 cái bánh. Cô Tâm cũng muốn mua 40 cái bánh như của chị Hiền. Vậy cô Tâm cần mua số hộp bánh là:
 A. 9 hộp B. 10 hộp C. 11 hộp D. 12 hộp

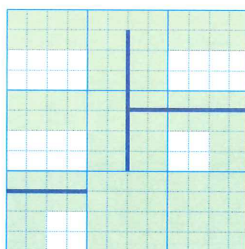
II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

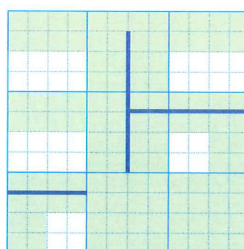
$$84 : 28$$



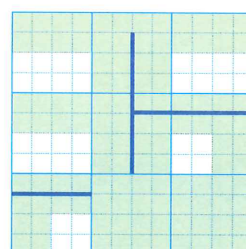
$$60 : 12$$



$$80 : 13$$



$$93 : 45$$



Bài 2 Đặt tính rồi tính:

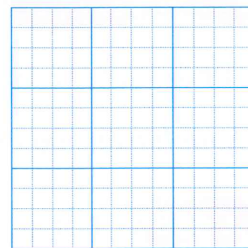
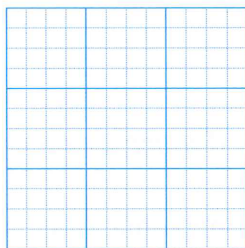
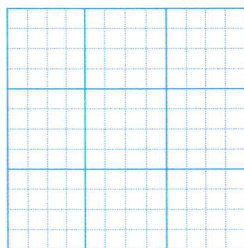
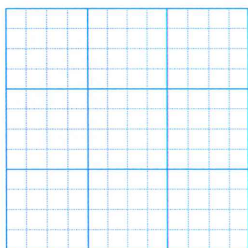


$87 : 29$

$70 : 14$

$59 : 28$

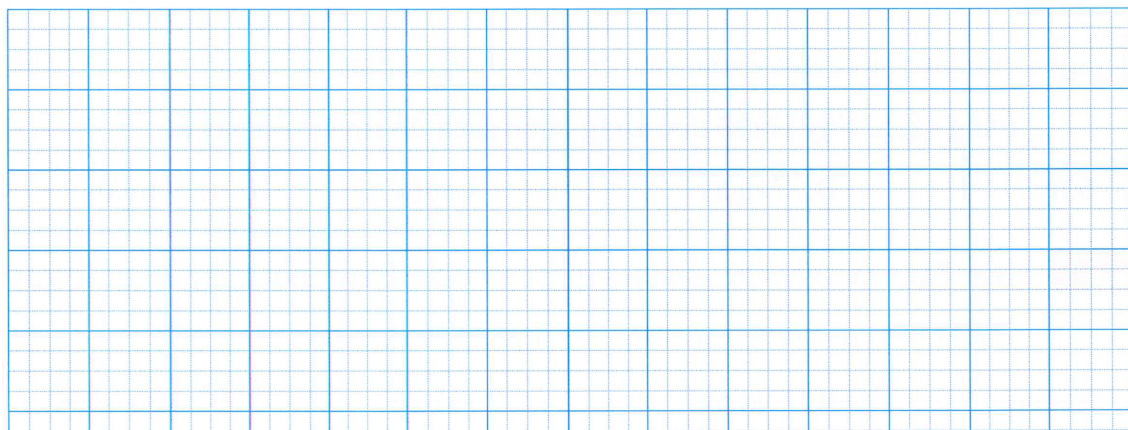
$65 : 19$



Bài 3

Bác Tâm thuê 2 xe ô tô tải chở 90 tạ thóc thu mua được về kho. Mỗi chuyến một xe chở được 15 tạ thóc. Hỏi mỗi xe cần chở mấy chuyến để hết số thóc đó? Biết số chuyến mỗi xe phải chở là như nhau.

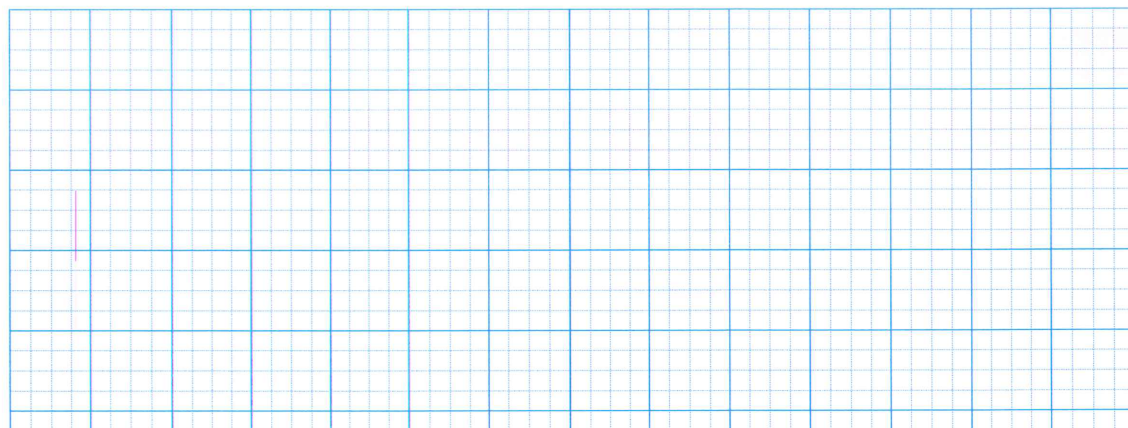
Bài giải



Bài 4

Trên bàn cô giáo có 8 chồng vở, mỗi chồng có 10 quyển vở. Số vở này sẽ được tặng thưởng cho 16 bạn học sinh giỏi trong lớp. Hỏi mỗi bạn học sinh giỏi nhận được mấy quyển vở? Biết số vở mỗi bạn nhận được là như nhau.

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép chia $208 : 52$ là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2 Số?

- A. 8 B. 7
C. 6 D. 5

$$43 \times \boxed{?} > 301$$

Câu 3 Hà đang đọc một cuốn sách có 144 trang. Trung bình mỗi ngày Hà đọc 18 trang sách. Vậy Hà sẽ đọc xong cuốn sách đó trong số ngày là:

- A. 6 ngày B. 7 ngày C. 8 ngày D. 9 ngày

Câu 4 Bác Tâm cần xếp 260 quả trứng gà vào các khay, mỗi khay 30 quả. Vậy để xếp hết số trứng đó, bác Tâm cần ít nhất số khay là:

- A. 7 khay B. 8 khay C. 9 khay D. 10 khay

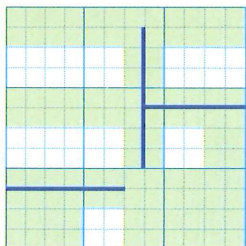
Câu 5 Một hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm và có diện tích là 120 cm^2 . Vậy chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. 23 cm B. 46 cm C. 32 cm D. 30 cm

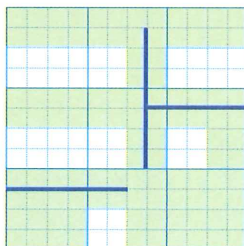
II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

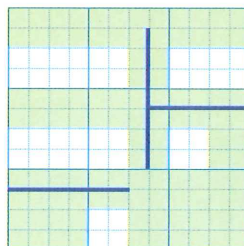
$$153 : 17$$



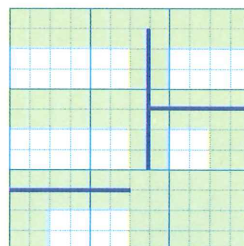
$$225 : 74$$



$$146 : 18$$



$$250 : 39$$



Bài 2

308 : 46

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares. There are three thick blue lines: one vertical line near the left edge and two horizontal lines, one near the top and one near the bottom, which divide the page into four main rectangular sections.

204 : 51

[illegible]

496 : 62

[illegible]

615 : 83

[illegible]

Bài 3

Bài giải

[illegible]

Bài 4

Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép chia $170 : 34$ là:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 2 Phép chia có số dư bằng 8 là:

- A. $400 : 49$ B. $310 : 34$ C. $185 : 26$ D. $370 : 74$

Câu 3 Phép chia có thương nhỏ hơn 5 là:

- A. $240 : 48$ B. $378 : 63$ C. $175 : 25$ D. $132 : 33$

Câu 4 Người ta cần đóng 4 tạ 5 kg gạo vào các bao, mỗi bao 45 kg gạo. Vậy số bao gạo đóng được là:

- A. 7 bao B. 8 bao C. 9 bao D. 10 bao

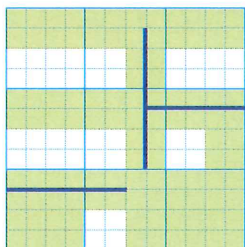
Câu 5 Một công ty cần thuê xe ô tô loại 45 chỗ ngồi để đưa 392 nhân viên đi tham quan du lịch. Vậy số xe ô tô công ty đó cần thuê là:

- A. 7 xe B. 8 xe C. 9 xe D. 10 xe

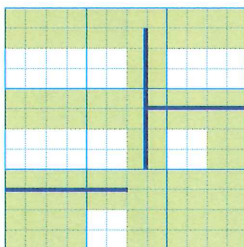
II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

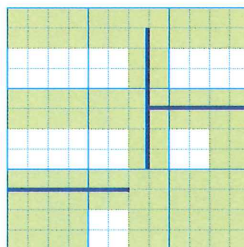
$$282 : 47$$



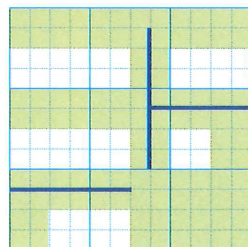
$$392 : 56$$



$$420 : 84$$



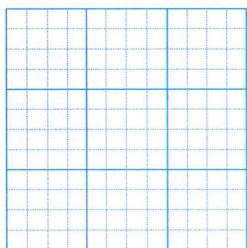
$$204 : 68$$



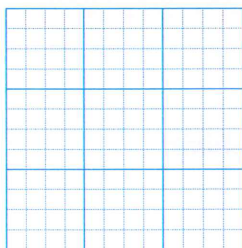
Bài 2 Đặt tính rồi tính:



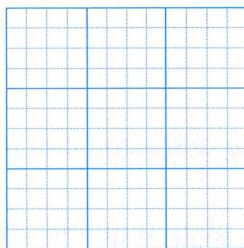
$176 : 22$



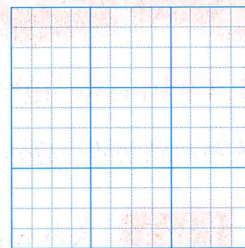
$330 : 54$



$445 : 82$



$370 : 46$

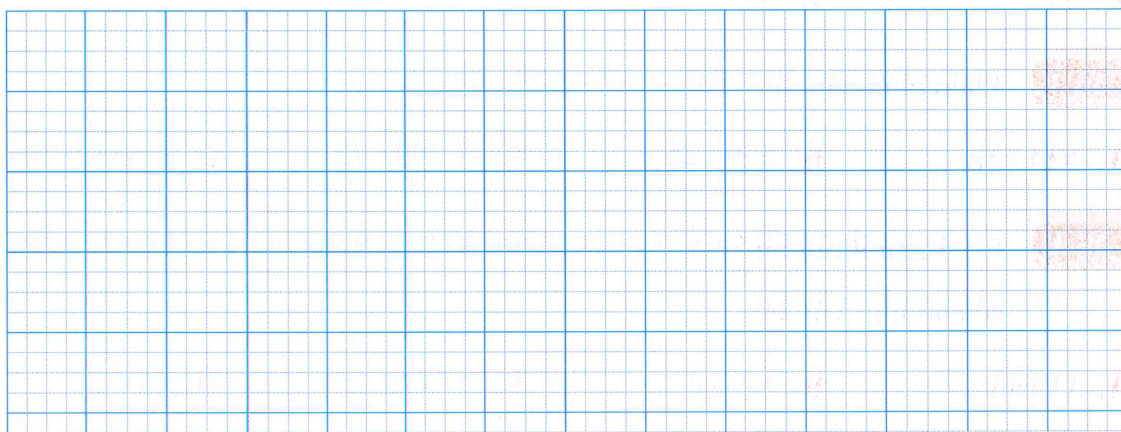


Bài 3

Trong 5 ngày, một xưởng may sản xuất được 425 chiếc áo phao. Hỏi xưởng may đó cần mấy ngày để sản xuất được 680 chiếc áo phao? Biết số lượng áo phao được sản xuất mỗi ngày là như nhau.



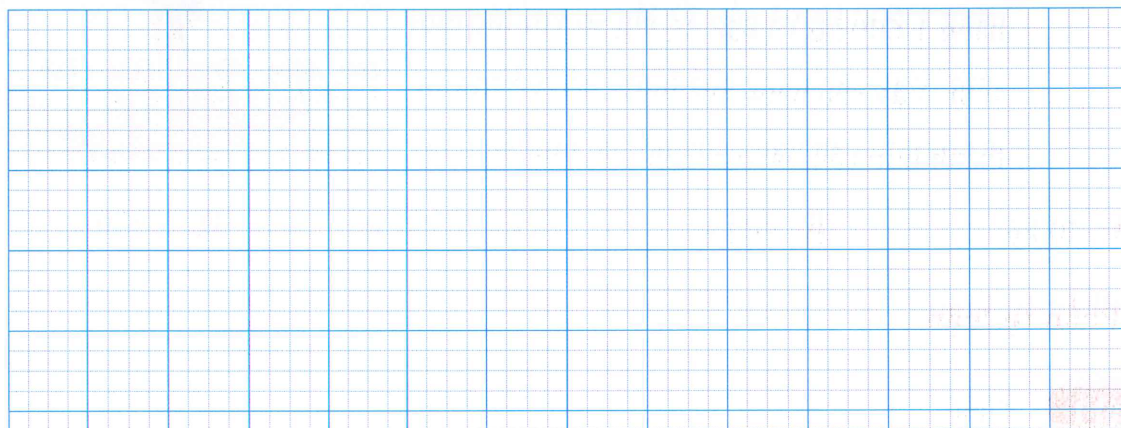
Bài giải



Bài 4

Một thang máy có trọng tải là 500 kg. Bác Tâm cân nặng 60 kg. Bác muốn dùng thang máy chuyển các bao gạo 55 kg lên tầng trên. Hỏi mỗi lần dùng thang máy bác có thể mang theo bao nhiêu bao gạo?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $898 : 32$ là:

- A. 28 B. 28 dư 1 C. 28 dư 2 D. 28 dư 3

Câu 2 Số?

- A. 12 B. 14
C. 11 D. 13

$$25 \times \boxed{?} = 30\,000 : 100$$

Câu 3 Phép chia nào dưới đây có số dư nhỏ nhất?

- A. $242 : 16$ B. $530 : 25$ C. $1\,299 : 72$ D. $1\,635 : 38$

Câu 4 Có 5 can đựng tất cả 75 l nước mắm. Vậy để đựng hết 180 l nước mắm cần số can như vậy là:

- A. 11 can B. 12 can C. 13 can D. 14 can

Câu 5 Trong tháng 6, một cửa hàng bán được 3 450 quyển vở. Vậy trong tháng 6, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số quyển vở là:

- A. 575 quyển B. 115 quyển C. 120 quyển D. 105 quyển

Câu 6 Một con hươu cao cổ khi trưởng thành cân nặng 1 600 kg và gấp 32 lần so với lúc mới sinh. Vậy cân nặng của hươu cao cổ trưởng thành hơn cân nặng của nó lúc mới sinh là:



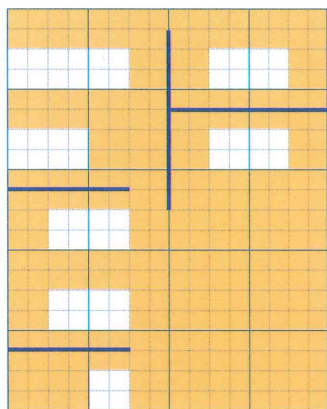
- A. 50 kg B. 60 kg C. 1 550 kg D. 1 540 kg

II. Phần tự luận.

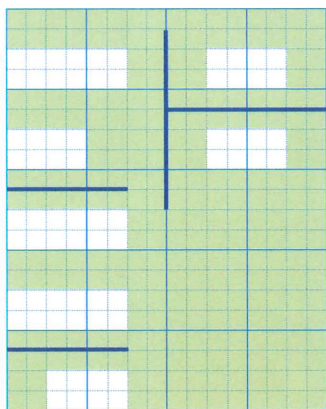
Bài 1 Tính:



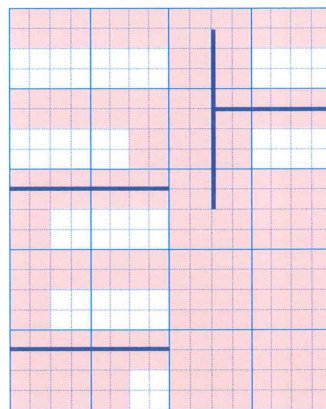
$$216 : 18$$



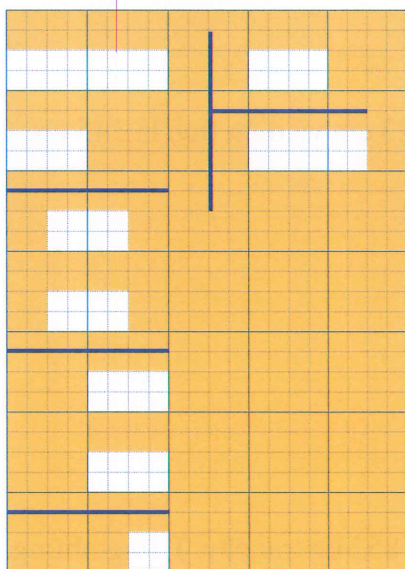
$$935 : 54$$



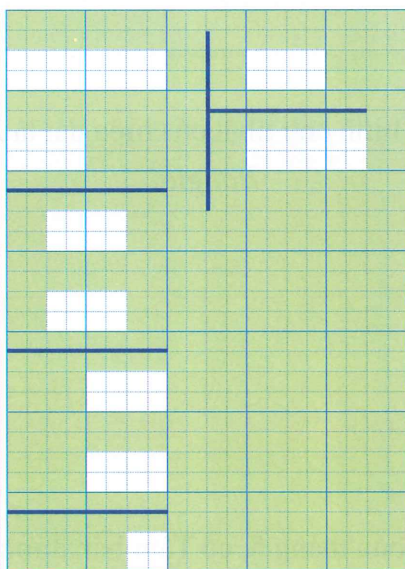
$$1\,224 : 36$$



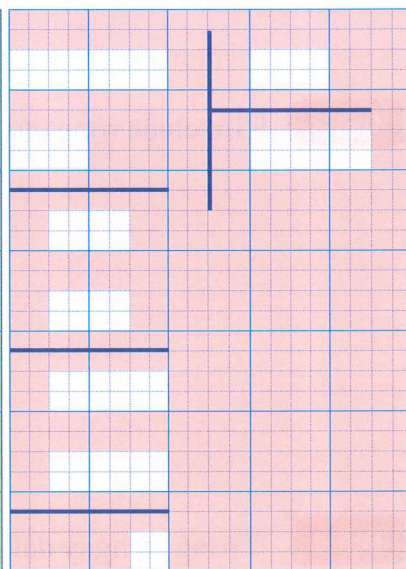
$$4\,816 : 43$$



$$5\,538 : 26$$

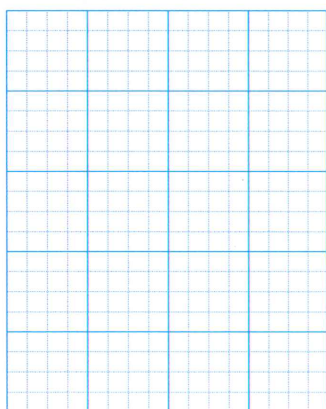


$$4\,366 : 37$$

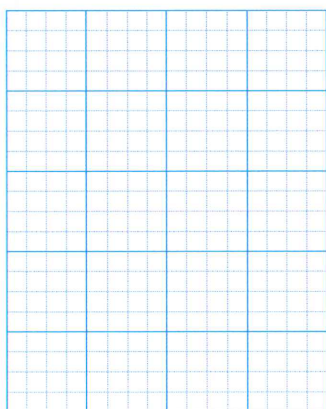


Bài 2 Đặt tính rồi tính:

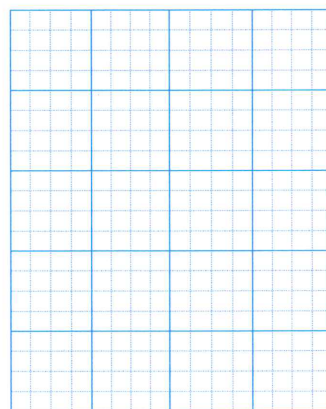
$$464 : 16$$



$$375 : 25$$



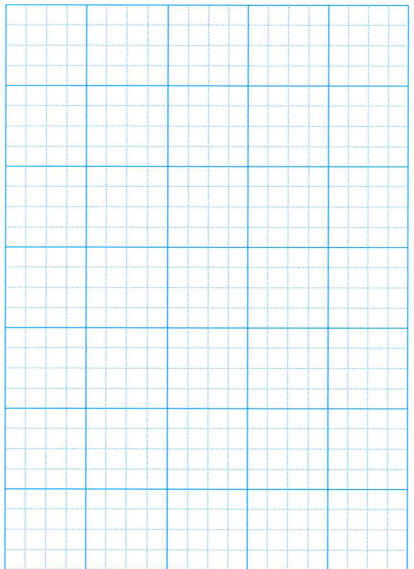
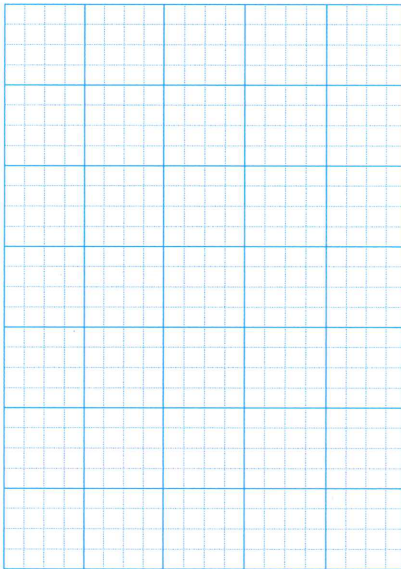
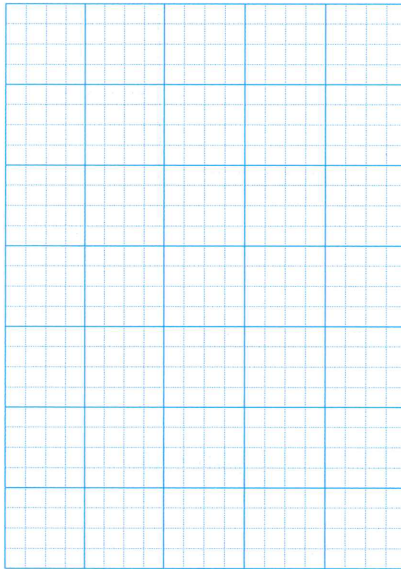
$$836 : 38$$



$3\ 192 : 42$

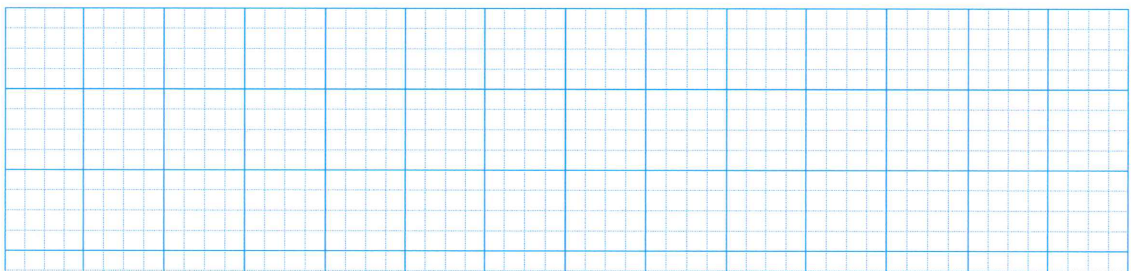
$6\ 328 : 28$

$7\ 182 : 33$



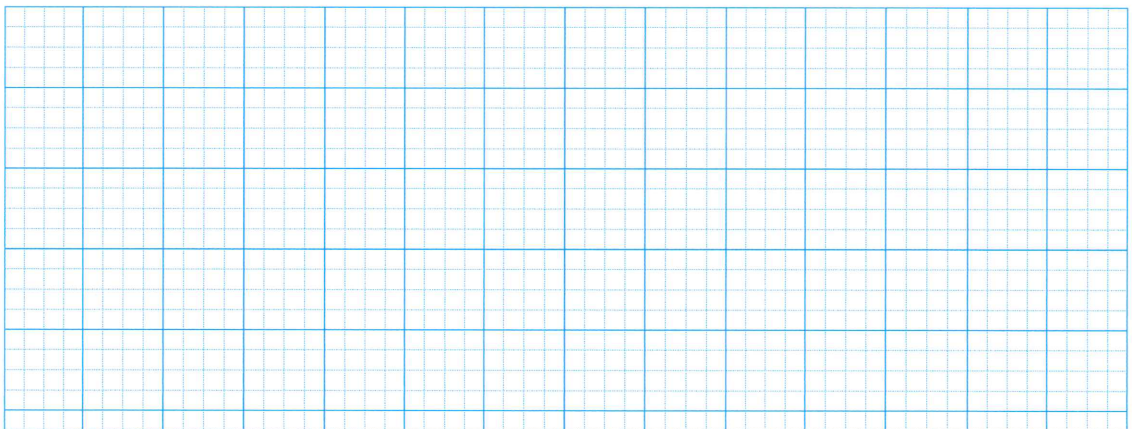
★ ★ **Bài 3** Tìm chiều rộng của hình chữ nhật có chiều dài là 23 cm và diện tích là 345 cm^2 .

Bài giải



★ ★ ★ **Bài 4** Trong 15 ngày đầu của tháng 8, cô Tâm bán được 852 kg trái cây. Trong những ngày còn lại của tháng 8, cô bán được 946 kg trái cây. Hỏi trong tháng 8, trung bình mỗi ngày cô Tâm bán được bao nhiêu ki-lô-gam trái cây?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép chia $6\ 355 : 31$ là:

- A. 215 B. 205 C. 105 D. 25

Câu 2 Thương của phép chia nào dưới đây có chữ số 0?

- A. $765 : 85$ B. $1\ 176 : 42$ C. $2\ 834 : 26$ D. $3\ 420 : 30$

Câu 3 Với 900 g bột mì, cô Hiền làm được 20 cái bánh bao. Vậy với 4 860 g bột mì, cô Hiền có thể làm được số cái bánh bao là:

- A. 105 cái B. 45 cái C. 245 cái D. 108 cái

Câu 4 Tuần trước, phân xưởng sản xuất được 3 508 đôi giày. Tuần này, phân xưởng sản xuất được 3 604 đôi giày. Vậy trong 2 tuần vừa qua, trung bình mỗi ngày phân xưởng sản xuất được số đôi giày là:

- A. 3 556 đôi giày B. 1 754 đôi giày C. 250 đôi giày D. 508 đôi giày

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính:

$$720 : 36$$

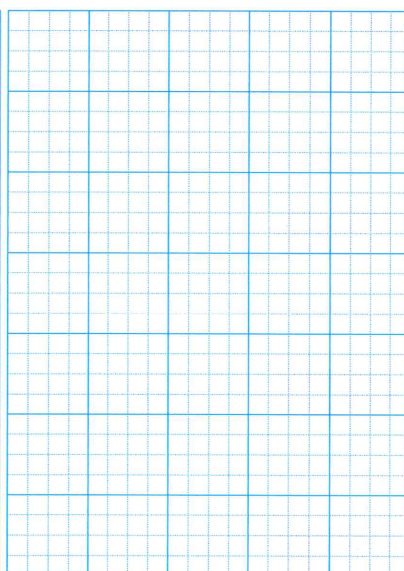
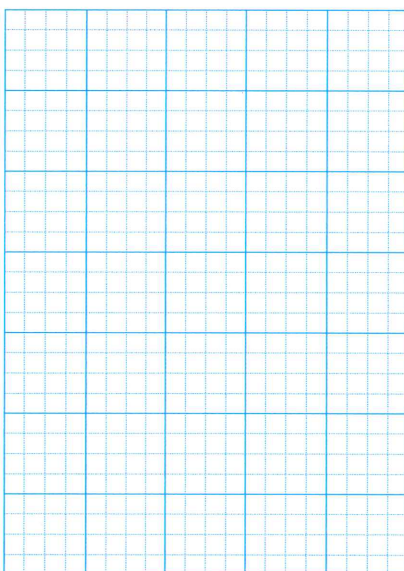
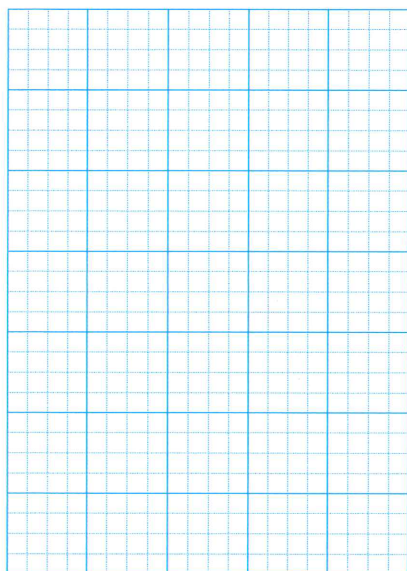
$$661 : 32$$

$$512 : 17$$

$9\ 696 : 48$

$7\ 660 : 19$

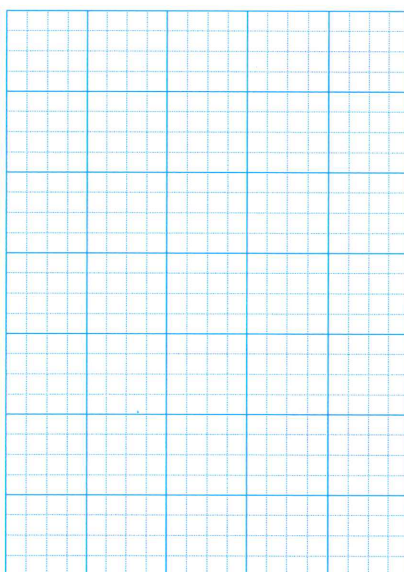
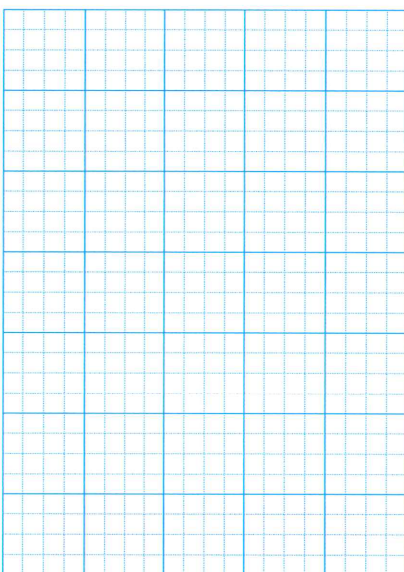
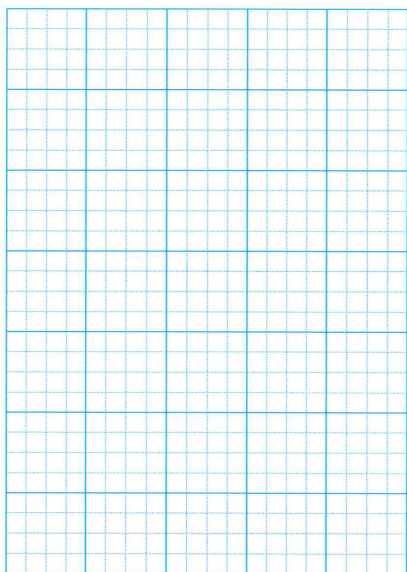
$4\ 057 : 27$



$9\ 430 : 46$

$3\ 780 : 35$

$6\ 961 : 13$



★ ★ Bài 2 Nói:

$2\ 380 : 34$

$1\ 898 : 26$

$6\ 696 : 62$

$5\ 152 : 46$

73

70

112

108



Bài 3**> ; < ; = ?**

12×11



$1\,800 : 12$

$9\,870 : 14$



$9\,126 : 18$

35×21



$7\,917 : 13$

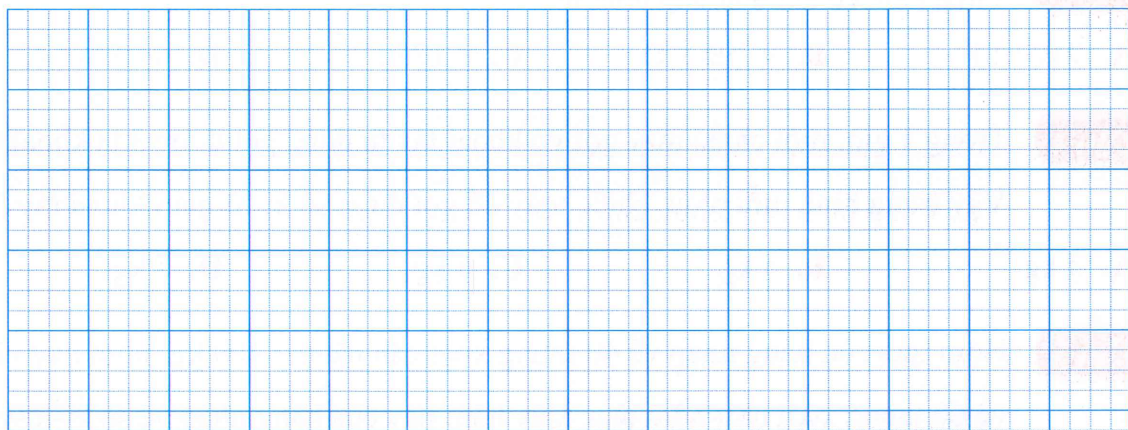
$7\,725 : 25$



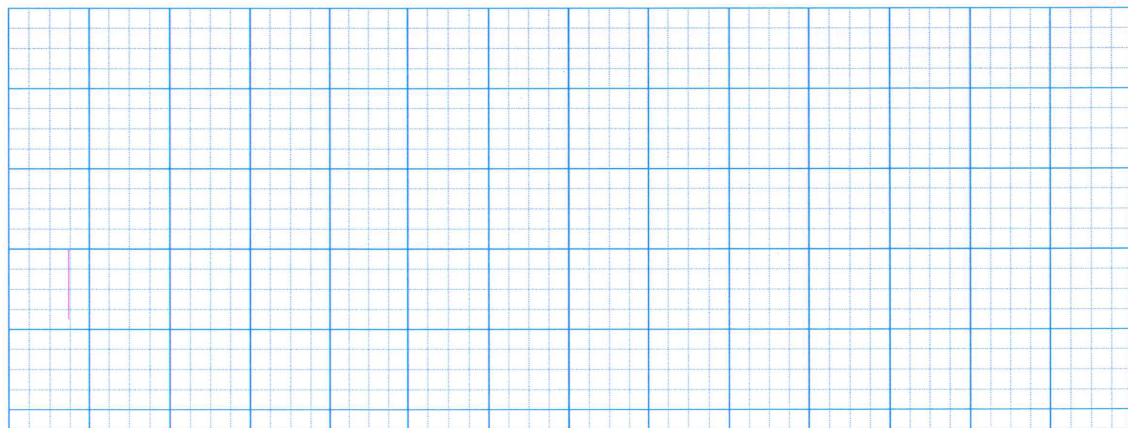
$14\,523 : 47$

Bài 4

Hôm qua cửa hàng nhập về 600 quyển vở được xếp đều trong 8 thùng. Hôm nay, cửa hàng nhập về 8 475 quyển vở được xếp đều trong các thùng giống như hôm qua. Hỏi hôm nay cửa hàng nhập về bao nhiêu thùng vở?

Bài giải**Bài 5**

Một tiệm bánh sản xuất được 720 chiếc bánh. Người ta đóng số bánh đó vào các hộp, mỗi hộp 24 chiếc bánh. Một hộp bánh sẽ được bán với giá 60 000 đồng. Hỏi nếu bán hết số bánh đó thì tiệm bánh thu được bao nhiêu tiền?

Bài giải



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $3\,590 : 23$ là:

- A. 156 B. 156 dư 2 C. 156 dư 3 D. 156 dư 4

Câu 2 Giá trị của biểu thức $28\,936 + 7\,632 : 53$ là:

- A. 28 070 B. 28 080 C. 29 080 D. 29 070

Câu 3 Phép chia có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $910 : 14$ B. $9\,796 : 31$ C. $8\,175 : 75$ D. $64\,344 : 42$

Câu 4 Trong 1 giờ, một chiếc máy gọt vỏ khoai tây tự động gọt được 3 tạ khoai tây. Vậy trung bình mỗi phút, chiếc máy đó gọt được số ki-lô-gam khoai tây là:

- A. 3 kg B. 5 kg C. 6 kg D. 7 kg

Câu 5 Hôm qua cửa hàng nhập về 40 thùng xoài cân nặng 2 400 kg, hôm nay nhập về 60 thùng xoài như hôm qua. Vậy hôm nay cửa hàng nhập về số ki-lô-gam xoài là:

- A. 3 600 kg B. 2 600 kg C. 3 500 kg D. 3 200 kg

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính:

$$6\,750 : 54$$

$$4\,536 : 42$$

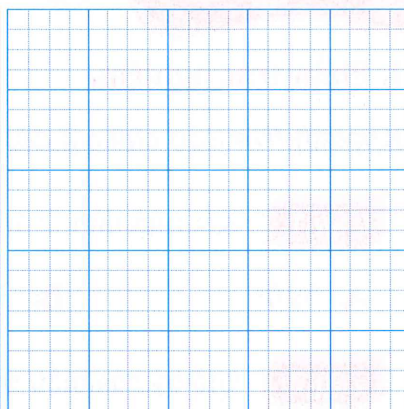
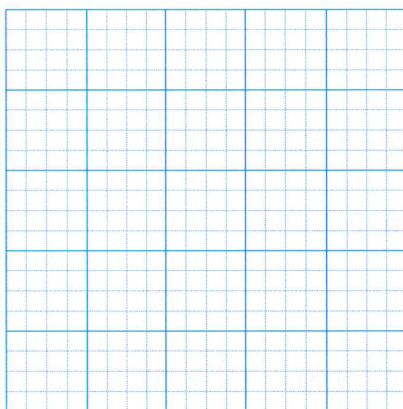
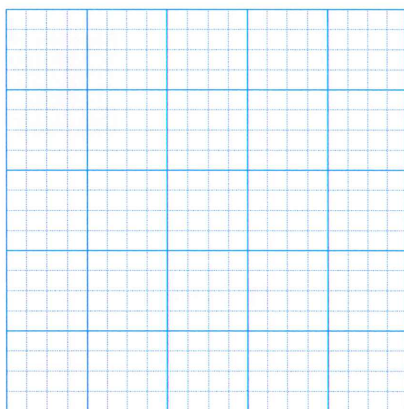
$$4\,195 : 32$$



$33\ 210 : 54$

$25\ 260 : 12$

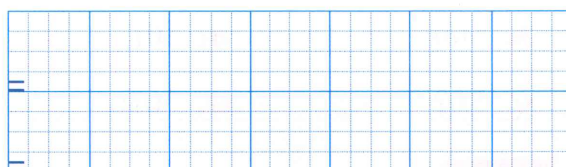
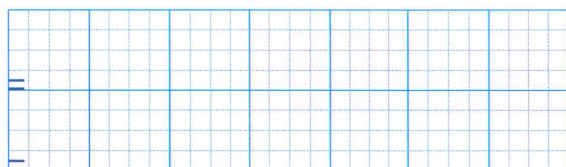
$77\ 408 : 71$



Bài 2 Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$3\ 944 + 570 : 15$

$41\ 263 - 31\ 746 : 39$



Bài 3 $> ; < ; =$?

$34\ 957 + 21\ 700 : 70$



$35\ 607$

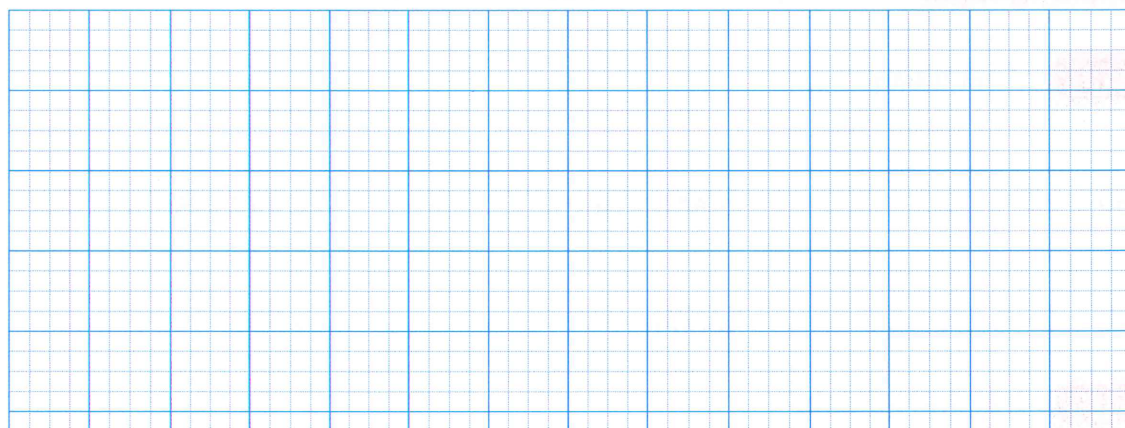
$1\ 538 - 2\ 064 : 24$



$1\ 340$

Bài 4 Một trường tiểu học nhận được 49 thùng sách, mỗi thùng có 20 bộ sách giáo khoa. Số sách này sau đó được chia đều cho 28 lớp. Hỏi mỗi lớp nhận được bao nhiêu bộ sách giáo khoa?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả tính $7\,176 : 23$ là:

- A. 310 B. 311 C. 312 D. 313

Câu 2 Giá trị của biểu thức $120 : (3 \times 8)$ là:

- A. 5 B. 320 C. 6 D. 25

Câu 3 Số?

- A. 300 B. 301
C. 302 D. 303

$$51 \times \boxed{?} < 15\,351$$

Câu 4 Một xe máy trong 1 giờ 15 phút đi được 47 km 250 m. Vậy trung bình mỗi phút xe máy đó đi được số mét là:

- A. 650 m B. 600 m C. 630 m D. 620 m

Câu 5 Một trường tiểu học có 5 khối lớp, mỗi khối lớp có 4 lớp. Hướng ứng phong trào "Thu gom rác thải nhựa", trường đã thu gom được 2 260 vỏ chai nhựa. Vậy trung bình mỗi lớp trong trường thu gom được số vỏ chai nhựa là:

- A. 112 vỏ chai B. 113 vỏ chai C. 114 vỏ chai D. 115 vỏ chai

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính nhẩm:

$$480 : 12 = \boxed{}$$

$$5\,600 : 70 = \boxed{}$$

$$32\,000 : 80 = \boxed{}$$

$$450 : 15 = \boxed{}$$

$$8\,000 : 16 = \boxed{}$$

$$50\,000 : 25 = \boxed{}$$

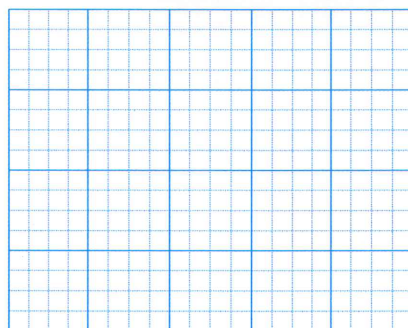
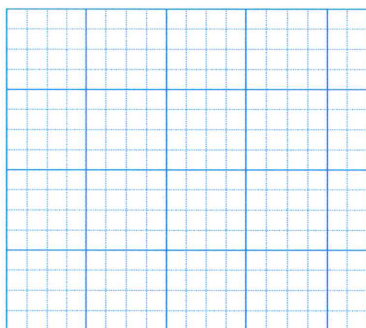
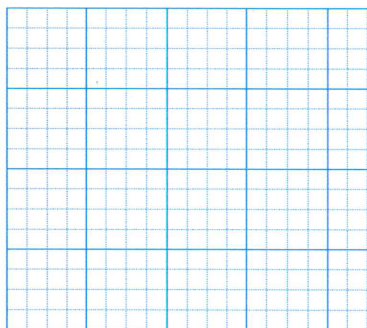
Bài 2 Đặt tính rồi tính:



$4\ 908 : 15$

$3\ 360 : 24$

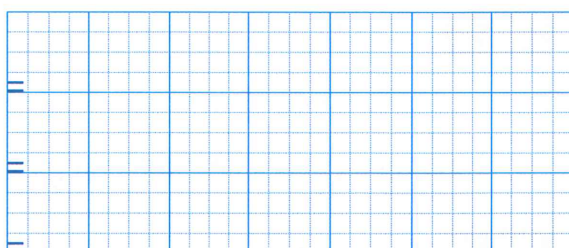
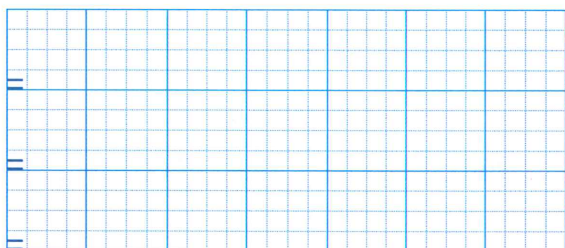
$17\ 748 : 29$



Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$320 : (4 \times 5)$

$810 : (9 \times 3)$



Bài 4 $> ; < ; =$?

15×27



$4\ 812 : 12$

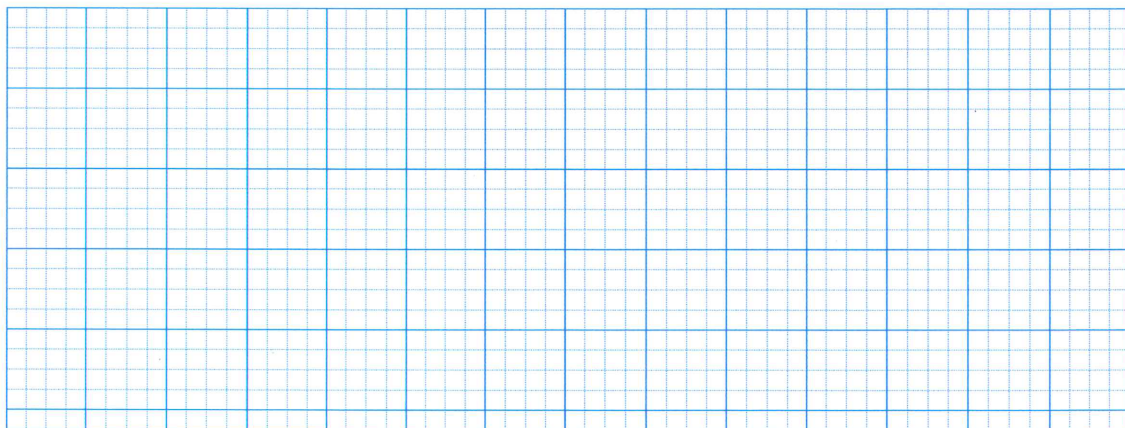
$13\ 545 : 43$



33×17

Bài 5 Để thu hoạch vải thiều nhanh nhất, cô Hà đã thuê 25 người hái vải. Hôm qua những người đó hái được 950 yến vải thiều, hôm nay họ hái được 1 050 yến. Hỏi trong hai ngày qua trung bình mỗi người hái được bao nhiêu yến vải thiều?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Sau khi làm tròn các số **128** và **365** đến hàng trăm, ta có tổng của chúng là:
 A. 300 B. 400 C. 500 D. 600
- Câu 2** Sau khi làm tròn các số **58** và **34** đến hàng chục, ta có tích của chúng là:
 A. 1 500 B. 1 800 C. 2 000 D. 2 400
- Câu 3** Nhà Mai có 567 con gà mái và 282 con gà trống. Nếu làm tròn số gà mỗi loại đến hàng trăm thì nhà Mai có khoảng:
 A. 700 con gà B. 800 con gà C. 900 con gà D. 1 000 con gà
- Câu 4** Tuần trước, cửa hàng bán được 6 725 cái áo. Nếu làm tròn số áo đó đến hàng nghìn thì trong tuần trước trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được là:
 A. 1 000 cái áo B. 900 cái áo C. 800 cái áo D. 700 cái áo

II. Phần tự luận.

- Bài 1** Làm tròn các số hạng đến hàng trăm rồi ước lượng kết quả của các tổng sau:

• Tổng $356 + 425$ có kết quả ước lượng là

.

• Tổng $726 + 182$ có kết quả ước lượng là

.

• Tổng $917 + 658$ có kết quả ước lượng là

.

- Bài 2** Làm tròn các thừa số đến hàng chục rồi ước lượng kết quả của các tích sau:

• Tích 62×41 có kết quả ước lượng là

.



• Tích 53×27 có kết quả ước lượng là .

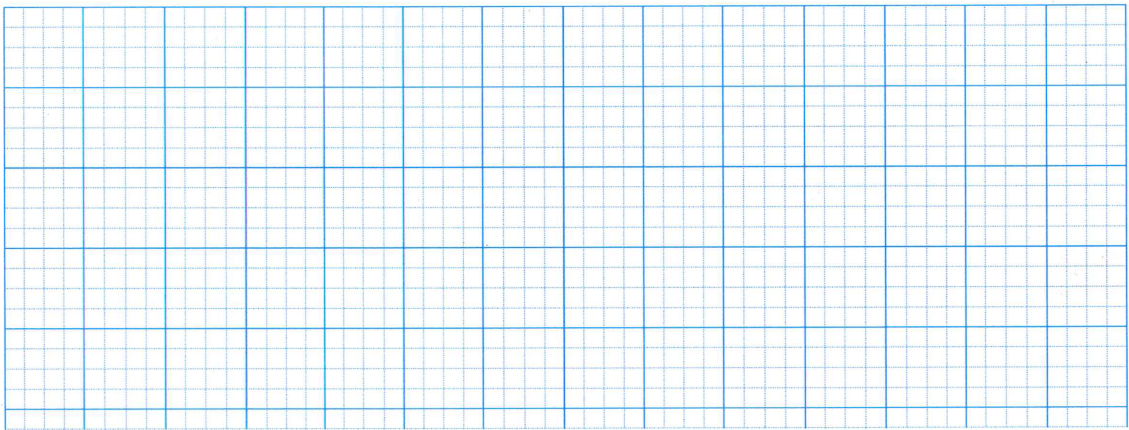
• Tích 86×18 có kết quả ước lượng là .

• Tích 75×36 có kết quả ước lượng là .

Bài 3

Một cửa hàng nhập về 32 560 kg gạo nếp và 16 300 kg gạo tẻ. Hãy làm tròn khối lượng từng loại gạo đến hàng nghìn và ước lượng xem cửa hàng đã nhập về bao nhiêu ki-lô-gam gạo.

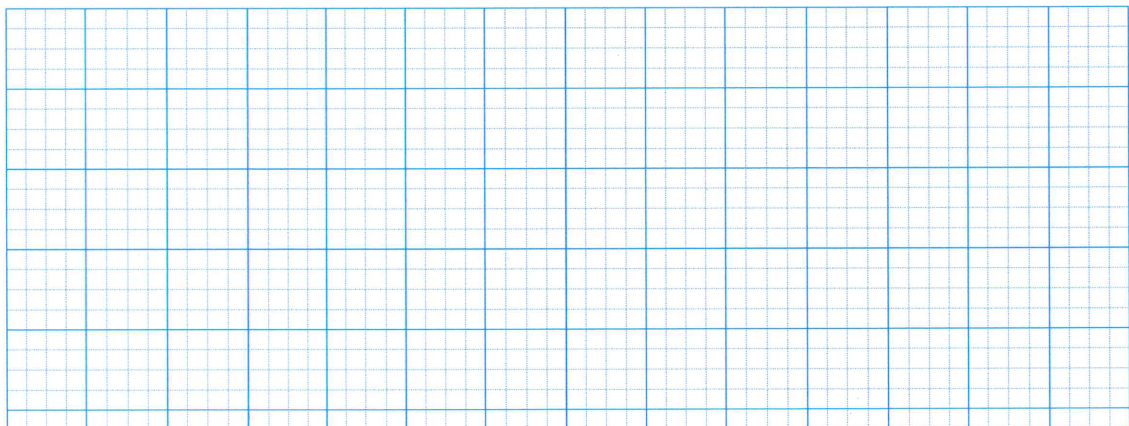
Bài giải



Bài 4

Trong tháng 9, một gian hàng bán được 3 573 chiếc bánh. Hãy làm tròn số bánh bán được đến hàng trăm và ước lượng xem trong tháng 9, trung bình mỗi ngày gian hàng đó bán được bao nhiêu chiếc bánh.

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Sau khi làm tròn các số **325** và **172** đến hàng chục, ta có tổng của chúng là:
 A. 300 B. 400 C. 500 D. 600
- Câu 2** Biểu thức nào dưới đây có cùng giá trị với biểu thức $75 \times 40 + 25 \times 40$?
 A. $(75 - 25) \times 40$ B. $(75 + 25) \times 40$ C. $75 \times 40 + 25$ D. $75 + 25 \times 40$
- Câu 3** Mẹ làm được 1 470 ml sữa chua. Mẹ chia đều vào 15 lọ và bảo quản trong tủ lạnh. Nếu làm tròn số sữa chua mẹ làm được đến hàng trăm thì mỗi lọ chứa số mi-li-lít sữa chua là:
 A. 95 ml B. 98 ml C. 100 ml D. 110 ml
- Câu 4** Một hình chữ nhật có chu vi là 80 cm, chiều dài hơn chiều rộng là 10 cm. Vậy diện tích của hình chữ nhật đó là:
 A. 375 cm^2 B. 800 cm^2 C. $5\,600 \text{ cm}^2$ D. $1\,575 \text{ cm}^2$

II. Phần tự luận.

- Bài 1** Làm tròn các thừa số đến hàng chục rồi ước lượng kết quả của các tích sau:

• Tích 36×51 có kết quả ước lượng là

.

• Tích 78×45 có kết quả ước lượng là

.

• Tích 83×21 có kết quả ước lượng là

.

• Tích 68×59 có kết quả ước lượng là

.



Bài 2

[illegible]

[illegible]

Bài 3

Bài giải

[illegible]

Bài 4

Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Giá trị của biểu thức $60 - 12 : a$ với $a = 3$ là:
 A. 56 B. 16 C. 18 D. 64
- Câu 2** Giá trị của biểu thức $b + c$ với $b = 154$, $c = 39$ là:
 A. 183 B. 193 C. 293 D. 283
- Câu 3** Biểu thức $y \times 16$ có giá trị nhỏ hơn 1 632 với:
 A. $y = 101$ B. $y = 102$ C. $y = 103$ D. $y = 104$
- Câu 4** Với $m = 40$, $n = 20$, $p = 10$, biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất?
 A. $m + n \times p$ B. $(m - n) \times p$ C. $(m + n) \times p$ D. $m \times p + n$
- Câu 5** Biểu thức $24 : (3 - a)$ có giá trị lớn nhất khi a bằng:
 A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính giá trị của biểu thức:

a. $615 + m$ với $m = 125$

b. $15 \times m$ với $m = 20$

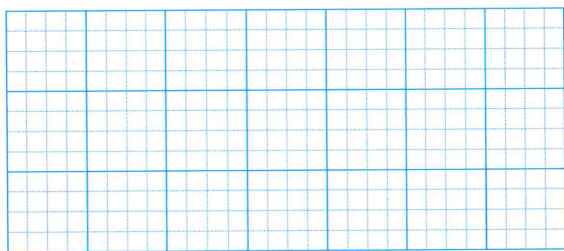
c. $a \times b \times 10$ với $a = 25$, $b = 30$

d. $(a + b) : 20$ với $a = 380$, $b = 120$

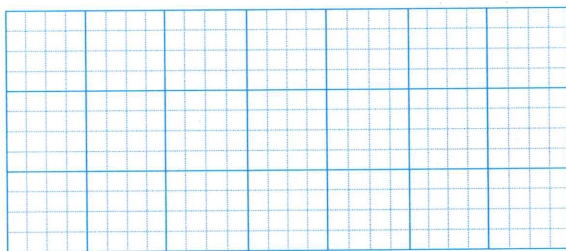


Bài 2 Tính giá trị của biểu thức $a \times b : c$ với:

a. $a = 120, b = 35, c = 70$

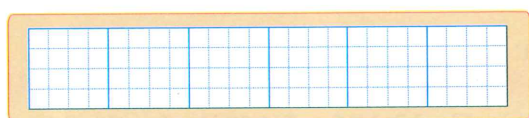


b. $a = 25, b = 40, c = 50$

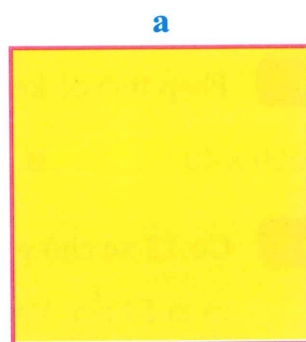
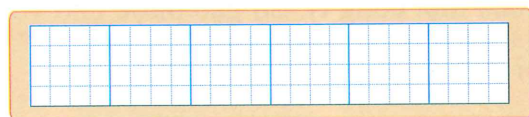


Bài 3 Một hình vuông có cạnh là a . Gọi P là chu vi, S là diện tích của hình vuông:

a. Viết công thức tính chu vi hình vuông:



b. Viết công thức tính diện tích hình vuông:



c. Áp dụng công thức, tính các số đo trong bảng dưới đây:

a	25 cm	18 cm	36 cm	40 cm
P				
S				

Bài 4 Tìm giá trị thích hợp của m :

$$12 : (4 - m) > 6$$

$$(4 - m) \times 2 > 6$$

$$7 - (4 - m) > 6$$

0

1

2

3

4



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tổng của 683 253 và 509 482 là:

- A. 1 192 635 B. 1 182 735 C. 1 192 735 D. 1 182 635

Câu 2 Kết quả tính 114×25 là:

- A. 2 850 B. 2 830 C. 2 730 D. 2 750

Câu 3 Phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. 500×40 B. $720\,000 : 30$ C. $12\,185 + 8\,152$ D. $51\,846 - 9\,418$

Câu 4 Có 12 xe chở gạo về kho hàng của một công ty. Số gạo được chở về kho tất cả là 54 tấn. Vậy trung bình mỗi xe chở số ki-lô-gam gạo là:

- A. 4 500 kg B. 648 kg C. 4 800 kg D. 4 200 kg

Câu 5 Gia đình An gồm 4 người lớn và 2 trẻ em mua vé đi cáp treo lên đỉnh Phan-xi-păng. Giá vé người lớn là 750 000 đồng và giá vé trẻ em là 550 000 đồng. Vậy gia đình An mua vé hết số tiền là:

- A. 3 100 000 đồng B. 4 100 000 đồng C. 5 100 000 đồng D. 2 900 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính:

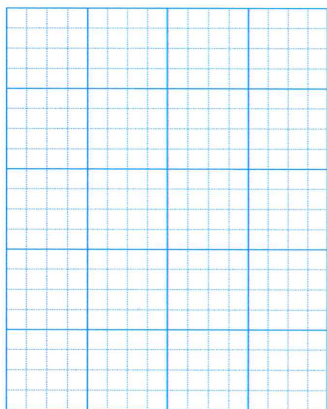
$$464\,185 + 372\,906$$

$$5\,219\,753 + 2\,834\,154$$

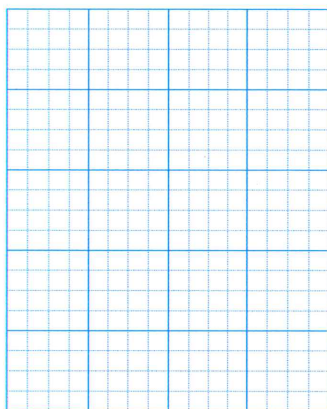
$$929\,173 - 65\,314$$



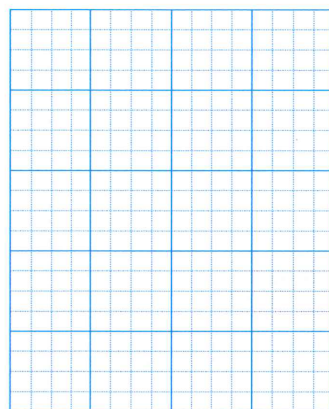
130×54



$8\,041 \times 29$

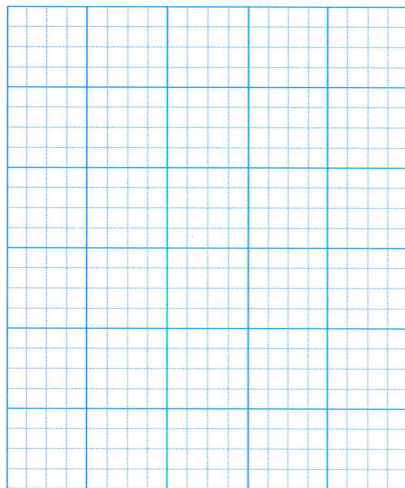


$12\,423 \times 4$

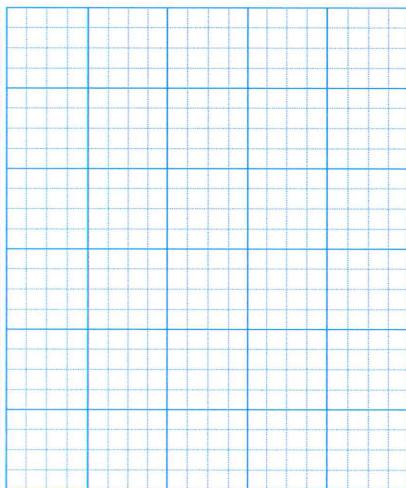


Bài 2 Đặt tính rồi tính (theo cách rút gọn):

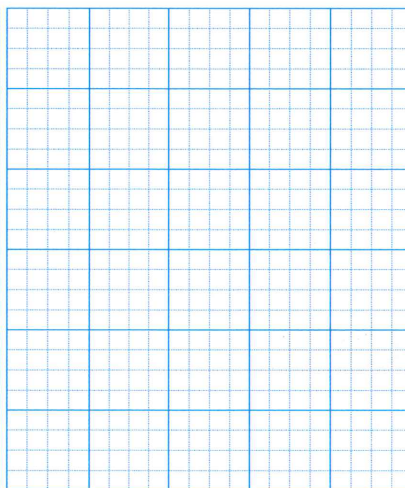
$95\,755 : 5$



$29\,757 : 21$

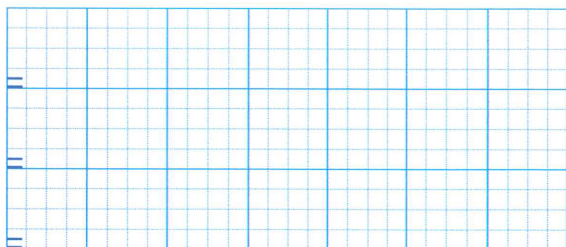


$25\,490 : 36$

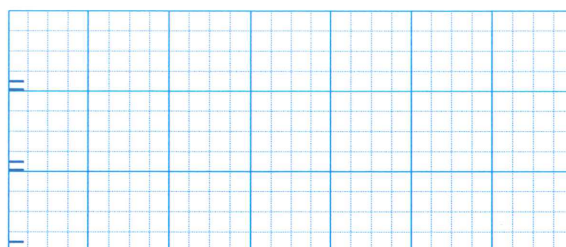


Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện:

$250 \times 58 \times 4$



$128 \times 27 + 128 \times 73$



$$8 \times (125 - 50)$$

$$480 : (8 \times 4)$$

[illegible][illegible]

Bài 4

Bác Tâm có hai ao nuôi tôm. Năm nay, cả hai ao cho thu hoạch 12 580 kg tôm. Ao thứ nhất cho thu hoạch nhiều hơn ao thứ hai là 2 000 kg tôm. Hỏi năm nay mỗi ao của bác Tâm cho thu hoạch bao nhiêu ki-lô-gam tôm?

Bài giải

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid pattern. The grid consists of small, uniform squares covering the entire area. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 5

Chị Hiền đã mua 100 chiếc áo để tặng các em nhỏ vùng cao, trong đó có 50 chiếc áo len và 50 chiếc áo khoác. Chị mua 50 chiếc áo len hết 6 000 000 đồng. Mỗi chiếc áo khoác chị mua hết 318 000 đồng. Hỏi trung bình chị Hiền đã phải trả cho mỗi chiếc áo bao nhiêu tiền?

Bài giải

[illegible]



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Giá trị của biểu thức $a - 125\,367$ với $a = 409\,281$ là:

- A. 384 914 B. 284 924 C. 283 914 D. 383 924

Câu 2 Giá trị của biểu thức $3\,000 : 50 \times 12$ là:

- A. 5 B. 50 C. 72 D. 720

Câu 3 Biểu thức $12 \times (5 - m)$ có giá trị nhỏ nhất khi m bằng:

- A. 0 B. 1 C. 4 D. 5

Câu 4 Mẹ mua cho Hà 3 bộ quần áo mới với giá lần lượt là: 230 000 đồng, 275 000 đồng và 215 000 đồng. Vậy trung bình mỗi bộ quần áo mẹ Hà mua có giá là:

- A. 210 000 đồng B. 240 000 đồng C. 220 000 đồng D. 230 000 đồng

Câu 5 Tổng số tuổi của em và của chị là 22 tuổi. Em kém chị 6 tuổi. Vậy số tuổi của chị là:

- A. 14 tuổi B. 8 tuổi C. 12 tuổi D. 16 tuổi

Câu 6 Một xưởng sản xuất đèn lồng có 25 công nhân. Những công nhân này làm việc 8 giờ mỗi ngày. Trung bình một công nhân sẽ mất 15 phút để làm xong 1 chiếc đèn lồng. Vậy trung bình mỗi ngày xưởng sản xuất đó sản xuất được số đèn lồng là:

- A. 200 chiếc B. 300 chiếc C. 375 chiếc D. 800 chiếc

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính nhẩm:

$$200 \times 80 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$40 \times 30 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$25 \times 100 = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$360 : 60 =$

$$7\,500 : 50 =$$

[illegible]

Bài 2 Đặt tính rồi tính:

$$153\,649 + 572\,826$$

$$728\,492 - 161\,358$$

$$7\,215 \times 26$$

$13\ 664 : 32$

62 931 : 31

Bài 3 Tính bằng cách thuận tiện:

$$128 \times 126 - 28 \times 126$$

$$85 \times 30 + 65 \times 30 - 500$$



Bài 4

Gia đình Hà thuê 1 phòng đôi và 1 phòng gia đình tại một khách sạn. Tiền phòng cho một đêm tất cả là 1 350 000 đồng. Phòng đôi có giá rẻ hơn phòng gia đình là 350 000 đồng. Hỏi mỗi loại phòng có giá bao nhiêu tiền một đêm?

Bài giải

[illegible]

Bài 5

Hiền mới mua được một cuốn sách có 360 trang. Mỗi ngày Hiền dự định dành 30 phút để đọc hết 15 trang của cuốn sách đó. Hỏi Hiền sẽ mất tất cả bao nhiêu giờ để đọc xong cuốn sách đó?



Bài giải

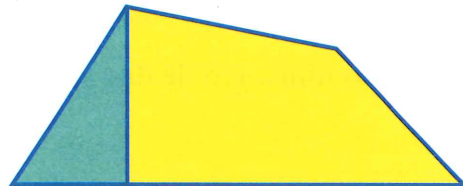
This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số “Mười bốn triệu hai trăm mười nghìn không trăm linh một” viết là:
 A. 14 210 010 B. 14 021 001 C. 14 210 001 D. 14 201 001
- Câu 2** Số gồm 2 chục triệu, 1 trăm nghìn, 4 trăm và 5 đơn vị là:
 A. 20 100 405 B. 2 100 405 C. 2 010 045 D. 20 100 045
- Câu 3** Số bé nhất trong các số 313 569, 313 659, 351 169, 353 196 là:
 A. 313 569 B. 313 659 C. 351 169 D. 353 196
- Câu 4** Làm tròn số 1 548 000 đến hàng trăm nghìn ta được:
 A. 2 000 000 B. 1 500 000 C. 1 600 000 D. 1 550 000
- Câu 5** Hình bên có mấy góc nhọn?
 A. 2 B. 3
 C. 4 D. 5
- Câu 6** Năm 1076, Lý Thường Kiệt đánh tan quân xâm lược nhà Tống. Năm đó thuộc thế kỉ nào?
 A. IX B. X C. XI D. XII
- Câu 7** Có hai xe chở tất cả 75 tạ cà phê. Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 2 tấn 5 tạ cà phê. Vậy xe thứ nhất chở được số tạ cà phê là:
 A. 50 tạ B. 70 tạ C. 80 tạ D. 25 tạ
- Câu 8** Tuần thứ nhất cửa hàng bán được 1 270 cái áo, tuần thứ hai bán được 1 670 cái. Vậy trong cả hai tuần trung bình mỗi ngày cửa hàng bán số áo là:
 A. 240 cái B. 200 cái C. 220 cái D. 210 cái



II. Phần tự luận.

Bài 1 Đặt tính rồi tính:

$$519\,728 + 235\,091$$

[illegible]

$$825\ 690 - 92\ 855$$

A full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by light blue dashed lines. There are four thicker solid blue lines running horizontally and three thicker solid blue lines running vertically, dividing the page into larger rectangular sections. The rest of the grid is composed of the lighter dashed lines.

$$6\,018 \times 43$$

[illegible]

$$13\ 878 : 27$$

[illegible]

$16\,848 : 54$

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares. There are four thicker blue lines that divide the page into five equal-width columns. No text or other markings are present on the page.

Bài 2 Có 12 đội tình nguyện viên từ các trường Đại học trong thành phố tham gia trồng cây. Ngày thứ nhất các đội trồng được 710 cây, ngày thứ hai trồng được 910 cây. Hỏi trong cả hai ngày trung bình mỗi đội trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

[illegible]

Bài 3 Cứ đi 420 km, xe ô tô của chú Sơn tiêu thụ 35 l xăng. Hôm nay, sau khi đổ đầy bình xăng, chú Sơn lái xe đi quãng đường 300 km.

a. Hỏi hôm nay xe ô tô của chú Sơn đã tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

Bài giải

A full-page sheet of white graph paper. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are 20 columns and 20 rows of squares, creating a total of 400 small square units. The margins are uniform on all sides.

b. Sau khi đi 300 km, chú Sơn ghé vào một trạm xăng đổ đầy bình xăng ô tô. Mỗi lít xăng có giá 23 120 đồng. Hỏi chú Sơn phải trả nhân viên trạm xăng bao nhiêu tiền?

Bài giải

[illegible]

Bài 4

Bác Tâm có một thửa ruộng trồng ngô hình chữ nhật dài 24 m và rộng 15 m. Để bảo vệ ngô khỏi chuột cắn phá, bác dự định mua lưới quây xung quanh ruộng. Mỗi mét lưới có giá 7 000 đồng. Hỏi để mua vừa đủ số mét lưới cần dùng bác Tâm cần chuẩn bị bao nhiêu tiền?

Bài giải

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.